

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng/

Số 01 tháng 02 / 2001 N. 01 Fev. 2001

Bát Đại Bát Tiểu
Phi Khứ Phi Lai
Vi Trần Thế Giới
Giao Ánh Liên Đài.

*"Không lớn không nhỏ
Chẳng đến chẳng đi
Thế giới như bụi
Đài sen chiếu nhau".*

Kinh hoa nghiêm

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

Mở đề :

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này còn gọi là Kinh Pháp Giới, cũng gọi là Kinh Hư Không, tận hư không biến pháp giới, chẳng có một nơi nào mà chẳng phải là Kinh Hoa Nghiêm sở tại. Chỗ sở tại của Kinh Hoa Nghiêm tức cũng là chỗ sở tại của Phật, cũng là chỗ sở tại của Pháp, cũng là chỗ sở tại của Hiền Thánh Tăng. Cho nên khi Phật vừa mới thành chánh giác thì nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này để giáo hoá tất cả pháp thân Đại Sĩ. Vì bộ Kinh này là diệu Kinh không thể nghĩ bàn, do đó bộ Kinh này được bảo tồn ở dưới Long cung, do Long Vương bảo hộ giữ gìn. Về sau do Ngài Bồ Tát Long Thọ xuống dưới Long cung đọc thuộc và ghi nhớ bộ Kinh này, sau đó lưu truyền trên thế gian.

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này cũng như vàng mây cát tường ở trong hư không, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, như mưa pháp cam lồ thấm nhuần hết thấy tất cả chúng sinh. Bộ Kinh Hoa Nghiêm này cũng như vàng thái dương, chiếu khắp đại thiên thế giới, khiến cho tất cả chúng sinh đều được ấm áp. Kinh Hoa Nghiêm này cũng như đại địa làm sinh trưởng tất cả vạn vật. Cho nên, có Kinh Hoa Nghiêm tồn tại thì có thể nói là thời kỳ chánh pháp trụ lâu dài. Mỗi ngày chúng ta giảng giải Kinh Hoa Nghiêm, nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, quang trọng là phải y chiếu nghĩa lý Kinh điển mà tu hành, phải dùng Kinh để đối trị bệnh tật của thân tâm chúng ta. Tự thân chúng ta có tâm tham, khi nghe được Kinh Hoa Nghiêm thì nên trừ khử tâm tham; có tâm sân, khi nghe được Kinh Hoa Nghiêm thì nên trừ khử tâm sân; có tâm ngu si, khi nghe được Kinh Hoa Nghiêm thì nên trừ khử tâm ngu si.

Đạo lý của bộ Kinh này là đối trị tập khí mao bệnh của chúng ta. Đừng cho rằng những gì nói trong Kinh chỉ là vì Bồ Tát mà nói, đối với

chúng ta chẳng có quan hệ gì, hoặc là Pháp nói cho các bậc A La Hán, đối với chúng ta chẳng có quan hệ gì, chúng ta phạm phu nghe bộ Kinh này chỉ là nghe thôi, tự biết làm không được cảnh giới của các bậc Thánh nhân. Nếu bạn nghĩ như thế thì đó là tự hại, tự vứt đi, tự tuyệt nơi Thánh nhân.

Mỗi câu Kinh Hoa Nghiêm đều là Pháp bảo vô thượng, nếu chúng ta cung hành thực tiễn, y chiếu nghĩa lý Kinh văn tu hành thì nhất định sẽ thành Phật. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm cũng có thể nói là mẹ của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm là pháp thân của chư Phật. Phật tán thán Kinh Kim Cang rằng, phạm là chỗ nào có Kinh điển thì chỗ đó có Phật. Chỗ nào có bộ Kinh Hoa Nghiêm này thì có Phật tại chỗ đó, bất quá nghiệp chướng của bạn quá sâu nặng, đối diện mà cũng chẳng thấy Phật, do đó có câu : "Đối diện bất thức Quán Thế Âm". Các bạn thấy vị Bồ Tát Quán Thế Âm này, ngàn tay ngàn mắt luôn luôn phóng ra quang minh vô ngại, chiếu khắp tất cả chúng sinh có duyên trong ba ngàn đại thiên thế giới. Thế mà chúng ta hằng ngày lễ Phật tại đây, niệm Phật, lay Bồ Tát Quán Âm, niệm Bồ Tát Quán Âm, cũng chẳng thấy Bồ Tát Quán Âm, mà thành ra bắt chước, tức là họ lay,

ta cũng lạy theo, họ niệm ta cũng niệm theo, đó là cảnh giới chuyển theo người, mà chẳng có chân chánh quy nạp trong thâm tâm của mình.

Hằng ngày ta lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, ta nên làm thế nào ? Phải chăng ta có nhiều sân hận ? Phải chăng chúng tật cũ ta không sửa đổi ? Như thế thì bạn lạy đến tận cùng vị lai tế, bạn cũng chẳng thấy được Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn cải ác hướng thiện, chân chánh trừ khử tập khí ma bệnh, sửa lỗi làm mới thì nhất định Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ gia bị cho bạn. Cho nên có người tu rất nhiều năm, một chút trí huệ cũng không khai mở, có người tu hành chẳng bao lâu thì khai mở trí huệ, đắc được biện tài vô ngại. Do đó chúng ta là người xuất gia phải siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, cử chỉ hành động đều phải hời quang phản chiếu, tu hành như thế mới có tiến bộ.

Chúng ta giảng Kinh Hoa Nghiêm, nghe Kinh Hoa Nghiêm, lạy Kinh Hoa Nghiêm, tụng Kinh Hoa Nghiêm, nhưng không y chiếu đạo lý Kinh Hoa Nghiêm đi thực hành thì Kinh là Kinh, bạn là bạn, ta là ta, chẳng có chút nào hợp mà làm một. Chúng ta phải hợp với Kinh điển mà làm một, chiếu theo đạo lý trong Kinh điển đi thực hành, tức là hợp mà làm một; bạn không chiếu theo Kinh điển mà thực hành thì tâm từ bi cũng chẳng đủ, tâm hỷ xả cũng không nhiều, chỉ có vô minh phiền não theo mình, đó là chẳng hiểu được Kinh, cũng chẳng nghe được Kinh. Nghe được Kinh câu nào thì nghĩ xem ta làm thế nào để thực hành ? Phải chăng ta chạy theo thói hư tật xấu ? Hay là chiếu theo Kinh điển mà tu hành ? Thường thường tự hỏi mình thì chắc chắn sẽ đắc được lợi ích. Tại sao chẳng đắc được lợi ích lớn ? Vì bạn xem Kinh là Kinh đối với ta chẳng có quan hệ. Thật ra lúc ban đầu Phật nói Kinh Hoa Nghiêm cũng vì bạn, tôi và tất cả chúng sinh mà nói, đó là Phật đối với chúng ta mà nói. Chúng ta nghe Kinh Văn này cũng như chính tai chúng ta nghe Phật nói đạo lý này, dạy chúng ta y chiếu theo pháp môn này mà tu hành.

Bất cứ pháp gì cũng đều không ra khỏi tự tính của mỗi chúng ta. Tự tính của chúng ta cũng

là tận hư không biến pháp giới. Cho nên nếu bạn phóng tâm lượng rộng lớn thì bạn sẽ hợp với Kinh Hoa Nghiêm mà làm một, song le hai mà chẳng phải hai. Ai ai cũng đều y theo cảnh giới Hoa Nghiêm làm cảnh giới của mình, lấy đạo lý vô lượng vô biên, trí huệ vô lượng vô biên của Kinh Hoa Nghiêm thu nhiếp làm trí huệ của mình. Bạn xem ! Như vậy rộng lớn biết dường nào !

Dẫn Nhập

Bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh này là khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội bồ đề vừa mới thành chánh giác, không rời khỏi tòa ngồi mà ở trong định đến bảy nơi (ba nơi tại nhân gian, bốn nơi ở tại thiên cung), vì các bậc đại thiện căn viên đốn mà nói tự thân chứng được pháp môn viên đốn, đi thẳng vào đạo lý pháp giới, trải qua chín hội trong vòng hai mươi một ngày thì nói xong bộ Kinh bất khả tư nghì này. Bộ Kinh này gồm có 45 phẩm Kinh văn, nhưng chỉ dịch ra được 39 phẩm, gồm 80 quyển. Trong mỗi hội Đức Phật đều phóng quang đại biểu nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Quang minh là biểu thị cho trí huệ, gia bị cho tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích Phật Pháp.

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này từ đầu cho đến cuối, đều nói đạo lý năm vòng nhân quả. Hội thứ nhất thì nói "tín nhân quả". Từ hội thứ hai đến hội thứ sáu thì nói "sai biệt nhân quả. Hội thứ bảy thì nói "bình đẳng nhân quả". Hội thứ tám thì nói "thành hạnh nhân quả". Hội thứ chín thì nói "chứng nhập nhân quả". Ngài Thanh Lương Quốc Sư đem hết toàn bộ Kinh 80 quyển phân làm bốn phần. Hội thứ nhất có 11 quyển là cử quả hoan lạc sinh tín phần. Từ hội thứ hai đến hội thứ bảy cộng lại có 41 quyển là tu nhân khế quả sinh giải phần. Hội thứ tám có 7 quyển là thác pháp tiến tu thành hạnh phần. Hội thứ chín có

21 quyển là y nhân chứng nhập thành đức phần.

Hội thứ nhất là tại Bồ Đề Đạo Tràng, vị trí ở hướng tây cách thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà khoảng hai trăm dặm, nay tức là Bodh Gaya. Hội này Phật phóng quang minh giữa lông mày, biểu thị quang minh của Phật chiếu khắp hết thảy mọi nơi, khiến cho tất cả chúng sinh đến nghe pháp lớn. Lại phóng quang minh ở răng biểu thị khiến cho chúng sinh nếm được pháp vị. Bộ Kinh này là mười phương chư Phật đều nói, cho nên trong các hội phần nhiều là mười phương chư Phật gia bị cho Bồ Tát nói. Hội này là mười phương chư Phật gia trì Bồ Tát Phổ Hiền nói, Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói y chánh hai báo trang nghiêm Phật quả, phát triệt tâm tín ngưỡng của chúng sinh. Hội này nói sáu phẩm : 1. Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm. 2. Phẩm Như Lai Hiện Tướng. 3. Phẩm Phổ Hiền Tam Muội. 4. Phẩm Thế Giới Thành Tựu. 5. Phẩm Thế Giới Hoa Tạng. 6. Phẩm Tỳ Lô Giá Na. Sáu phẩm này là vòng tin nhân quả, là quả cử hoan lạc sinh tín phần.

Hội thứ nhì ở tại Điện Phổ Quang Minh. Hội này ở phía đông nam cây bồ đề khoảng ba dặm trong khúc eo sông Ni Liên Thiên, là do các Long Vương vì Phật mà tạo nên. Phật phóng quang chiếu khắp mười phương vô biên thế giới, nên tên là Điện Phổ Quang Minh. Trong hội này Phật phóng quang dưới hai bàn chân, biểu thị khiến cho chúng sinh y pháp tu hành. Hội này Bồ Tát Văn Thù làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý pháp môn thập tín mỹ đức, hội này nói sáu phẩm : 7. Phẩm Danh Hiệu Như Lai. 8. Phẩm Bốn Thánh Đệ. 9. Phẩm Quang Minh Giác. 10. Phẩm Bồ Tát Văn Minh. 11. Phẩm Tịnh Hạnh. 12. Phẩm Hiền Thủ. Sáu phẩm này là vòng sai biệt nhân quả, là tu nhân khế quả sinh giải phần. Trên đây là mười hai phẩm diệu pháp nói ở tại nhân gian.

Hội thứ ba ở tại Điện Diệu Thắng trên cung trời Đao Lợi. Hội này ở đỉnh núi Tu Di, là địa cư thiên, tức cũng là tầng trời thứ hai của dục giới. Phật nói Kinh Hoa Nghiêm là pháp thân nói, pháp thân thì tận hư không biến pháp giới, vô tại

vô bất tại, vô sở bất tại. Cho nên có thể đến bất cứ nơi nào giảng Kinh thuyết pháp. Trong hội này Phật phóng quang ở ngón chân, biểu thị pháp là từ chỗ thấp mà sinh ra., khiến cho chúng sinh từ cơ bản mà học lên. Hội này Bồ Tát Pháp Huệ làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý thập trụ. Hội này cũng nói sáu phẩm. 13. Phẩm Thăng Đỉnh Tu Di. 14. Phẩm Kế Tán Tu Di. 15. Phẩm Thập Trụ. 16. Phẩm Phạm Hạnh. 17. Phẩm Công Đức Sơ Phát Tâm. 18. Phẩm Minh Pháp. Sáu phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là tu nhân khế quả sinh giải phần.

Hội thứ tư ở tại Điện Bảo Trang Nghiêm, cung trời Dạ Ma. Hội này ở trên không đỉnh núi Tu Di, là không cư thiên (cõi trời ở trên không), tức cũng là tầng trời thứ ba của dục giới. Trong hội này Phật phóng quang ở mu hai bàn chân, biểu thị pháp là từ dưới mà lên, khiến cho chúng sinh y theo thứ lớp mà học lên. Hội này Bồ Tát Công Đức Lâm làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý pháp môn thập hạnh. Hội này nói bốn phẩm. 19. Phẩm Thăng Dạ Ma Thiên. 20. Phẩm Kế Tán Dạ Ma. 21. Phẩm Thập Hạnh. 22. Phẩm Thập Vô Tận Tạng. Bốn phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là tu nhân khế quả sinh giải phần.

Hội thứ năm ở tại Điện Nhất Thiết Diệu Bảo Trang Nghiêm cung trời Đâu Suất, hội này ở phía trên trời Dạ Ma, tức cũng là tầng trời thứ tư của dục giới. Trong hội này Phật phóng quang hai đầu gối, biểu thị hồi hướng, khiến cho chúng sinh hồi sự hướng lý, hồi nhân hướng quả, hồi tự hướng tha. Hội này Bồ Tát Kim Cang Tràng làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý pháp môn thập hồi hướng. Hội này nói ba phẩm. 23. Phẩm Thăng Trời Đâu Suất. 24. Phẩm Kế Tán Đâu Suất. 25. Phẩm Thập

Hồi Hương. Ba phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là tu nhân khế quả sinh giải phần.

Hội thứ sáu ở tại Điện Ma Ni Bảo Tạng cung trời Tha Hoá Tự Tại. Hội này là tầng trời thứ sáu của dục giới, cũng là trời cao nhất của dục giới. Hội này Phật phóng quang minh ở giữa lòng mây, hội này Bồ Tát Kim Cang Tạng làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý pháp môn thập địa. Hội này chỉ nói một phẩm. 26. Phẩm Thập Địa. Phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là tu nhân khế quả sinh giải phần. Trên đây là mười bốn phẩm diệu pháp nói ở trên thiên cung.

Hội thứ bảy ở tại Điện Phổ Quang Minh. Phật từ trên trời lại trở về nhân gian. Hội này Phật phóng quang minh giữa lòng mây và quang minh ở miệng, quang minh ở miệng là biểu thị tất cả Phật tử từ trong miệng của Phật hoá sinh. Hội này Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ tịch đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói pháp đẳng giác và diệu giác, tức cũng là pháp môn nhân tròn quả đầy, sáu phẩm trước nói nhân tròn, năm phẩm sau nói quả đầy. Hội này nói mười một phẩm : 27. Phẩm Thập Định. 28. Phẩm Thập Thông. 29. Phẩm Thập Nhẫn. 30. Phẩm A Tăng Kỳ. 31. Phẩm Thọ Lượng. 32. Phẩm Bồ Tát Trụ Xứ. 33. Phẩm Thập Thân Tướng Hải. 34. Phẩm Tuỳ Hảo Quang Minh. 35. Phẩm Hạnh Phổ Hiền. 36. Phẩm Như Lai Xuất Hiện. Mười một phẩm này là vòng nhân quả bình đẳng, là tu nhân khế quả sinh giải phần.

Hội thứ tám tại Điện Phổ Quang Minh . Trong hội này Phật không phóng quang minh, vì tại trọng xứ. Hội này cũng là Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ đại hội, vì Bồ Tát Phổ Hiền là chủ Hoa Nghiêm Hải Hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói pháp hai ngàn hạnh môn. Có vị Bồ Tát Phổ Huệ hỏi Bồ Tát Phổ Hiền : Những gì là pháp của Bồ Tát sở y ? Những gì là pháp của Bồ Tát thực hành ? Có hai trăm câu hỏi. Bồ Tát Phổ Hiền giải đáp thành hai nghìn đáp án. Hội này chỉ nói một phẩm 38. Phẩm Là Thế Gian, phẩm này là vòng thành hạnh nhân quả, là thác pháp tiến tu thành hạnh phạn.

Hội thứ chín ở tại Rừng Thệ Đa, địa điểm ở trong thành Xá Vệ, tức cũng là vườn Cấp Cô Độc, cây thái tử Kỳ Đà, lại gọi là Tinh Xá Kỳ Hoàn, còn gọi là Trọng Các Giảng Đường. Khi Phật thành chánh giác thì chưa có giảng đường này, sau này mới thành lập. Song le không có Trọng Các Giảng Đường, vậy Phật làm thế nào thuyết pháp tại đây ? Đó là cảnh giới diệu không thể nghĩ bàn. Phật có thể đem vô lượng kiếp quá khứ đời đến hiện tại, cũng đem vô lượng kiếp vi lai đời đến hiện tại. Cho nên chẳng có phân biệt quá khứ, hiện tại và vi lai, là viên dung vô ngại. Giống như trong Kinh Kim Cang có nói : "Tam tâm bất khả đắc", cùng đạo lý ấy, nghĩa là tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, tâm vi lai cũng không thể nắm bắt. Tại sao ? Bạn nói có quá khứ tức là chấp trước, có hiện tại là chấp trước, có vi lai cũng là chấp trước. Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại không dừng lại, còn vi lai thì chưa đến, đó là phá chấp. Tại hội này Phật phóng luồng hào quang trắng, biểu thị chiếu khắp ba ngàn đại thiên, khiến cho tất cả chúng sinh được thấm nhuần mưa pháp, sinh ra căn lành. Hội này phân làm hội chính và hội phụ. Hội chính là Phật Thích Ca Mâu Ni làm hội chủ, nhập vào tam muội sư tử tần thân, thị hiện mà nói diệu pháp, khiến cho đại chúng đón chúng pháp giới. Hội phụ là các Bồ Tát làm hội chủ, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Văn Thù và các vị thiện tri thức vì Thiện Tài Đồng Tử mà nói rõ tiem chúng pháp giới. Hội này chỉ nói một phẩm 39. Phẩm Nhập Pháp Giới, nhưng có hai mươi một quyển. Hội này là vòng chúng nhập nhân quả, là y nhân chúng nhập thành đức phần. Phần trên là mười ba phẩm Diệu pháp nói ở tại nhân gian.

Nay giới thiệu sơ lược về bảy nơi, chín hội, 39 phẩm, hy vọng mọi người ghi nhớ, đợi khi giảng đến phẩm nào thì biết

được phẩm đó nói tại đâu, vị Bồ Tát nào nói, có khái niệm như thế thì mới liễu giải được.

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này là pháp đại thừa, vì pháp thân Bồ Tát mà nói, hoàn toàn là tu bồ đề tâm hành bồ đề đạo, do đó người tiểu thừa tuy nhiên đồng ở trong pháp hội nhưng như điếc như mù, "có mắt chẳng thấy được Lô Xá Na, có tai chẳng nghe được pháp viên đốn". Vì khi họ ở tại nhân gian thì không tu pháp đại thừa, cho nên không có duyên đắc được lợi ích lớn. Vậy tức nhiên chúng ta chẳng phải là Bồ Tát, lại chẳng phải là A La Hán, tại sao lại nghe được tên Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mà còn được nghe diệu pháp Kinh Hoa Nghiêm ? Đó là vì trong quá khứ chúng ta đã gieo căn lành với pháp đại thừa, cho nên hôm nay có duyên được đến nghe pháp, bằng không cũng giống như người tiểu thừa, như điếc như mù. Đây là cơ hội ngàn kiếp khó gặp. Hy vọng mọi người tinh tấn càng tinh tấn, nỗ lực càng nỗ lực, đến nghiên cứu diệu lý của bộ Kinh này. Tuy nhiên chỉ dịch ra được bốn vạn năm nghìn bài kệ, nhưng nếu nhớ được một bài kệ thì có diệu dụng vô lượng.

Vào đời Đường có vị xuất gia tên là Vương Minh Cán. Vị đó tuy xuất gia làm hoà thượng,

nhưng không tu hành. Một ngày nọ, bị quỷ vô thường bắt đi, vị đó gặp Bồ Tát Địa Tạng, dạy vị đó một bài kệ Kinh Hoa Nghiêm :

"Nhược nhân dục liễu tri
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tính
Nhất thiết duy tâm tạo".

Nghĩa là :

"Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ra đời
Hãy quán tính pháp giới
Hết thấy tâm tạo ra".

Vị đó thấy vua Diêm Vương thì đọc ra bài kệ này, do đó được phóng thích. Bài kệ này không những cứu được sinh mạng của vị đó mà cũng cứu được chúng sinh thọ khổ dưới địa ngục. Các bạn thấy đó ! Bài kệ này có diệu dụng như thế, cho nên phải tụng Kinh Hoa Nghiêm, phải lay Kinh Hoa Nghiêm, phải ấn tống Kinh Hoa Nghiêm, thì nhất định có công đức vô lượng.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Ngài Cư Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

1. GIẢI THÍCH TÊN KINH :

"Diệu", đối với chữ diệu này, chúng ta phải cần một phen hạ khổ công phu để nghiên cứu. "Diệu" tức là huyền diệu, vi diệu, thâm áo không thể dò. Ngài Trí Giả Đại Sư chỉ nói về một chữ diệu mà phải mất thời gian chín mươi ngày, tập thành một bộ Pháp Hoa Huyền, là một bộ Kinh quan trọng trong ba bộ Kinh lớn của tông Thiên Thai. Đó là chỉ nói một chữ diệu mà phải mất ba tháng mới nói xong, bạn nói có diệu chăng !

Trước khi giảng bất cứ bộ Kinh gì thì trước hết giảng về "thất chủng lập đề" (bảy loại làm tên Kinh) và "ngũ trùng huyền nghĩa" (năm tầng nghĩa huyền diệu), đó là quy tắt giảng Kinh của tông Thiên Thai. Bảy loại làm tên Kinh là : Đơn có ba, kép có ba, đầy đủ có một. Trước hết nói về đơn có ba, tức là người, pháp và dụ. Thứ nhất là đơn nhân (người) lập đề, ví như "Phật Nói Kinh A Di Đà." Phật là người, A Di Đà cũng là người, cho nên gọi là đơn nhân (người) lập đề, chỉ dùng một người để đại biểu tên của một bộ Kinh. Vì Kinh A Di Đà này là nói về pháp môn Tịnh Độ, nói về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Tại sao có thế giới Cực Lạc ? Vì khi Phật A Di Đà tại nhân địa làm Tỳ Kheo Pháp Tạng thì phát bốn mươi tám đại nguyện. Những nguyện này nguyện nào cũng độ tất cả chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ thành Phật. Cho nên bộ Kinh này dùng Phật A Di Đà để đại biểu tên của bộ Kinh này.

Khi Phật Pháp đến thời kỳ diệt vong thì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh mất đi trước hết, vì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh chánh nhân thành Phật, tức tốc chứng quả liễu nghĩa, chúng sinh nghiệp chuyển nặng, cho

nên mất đi trước nhất. Cũng có thể nói là vì kinh Lăng Nghiêm nói quá tỉ mỉ về đạo lý vạn sự vạn vật của thế gian, có thể nói là tiết lậu bí mật của trời đất. Do đó đến thời kỳ mạt pháp thì Kinh Lăng Nghiêm bị tiêu diệt đi trước nhất, những Kinh khác cũng theo đó tiếp tục bị diệt; cuối cùng chỉ còn lại Kinh A Di Đà, lưu lại thế giới này một trăm năm, cho nên Kinh A Di Đà là Kinh mất đi sau cùng. Đến lúc Kinh A Di Đà cũng chẳng còn nữa thì còn lại sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật" lưu lại trên thế gian này một trăm năm, sau đó sáu chữ diệt mất đi hai chữ, chỉ còn lại "A Di Đà Phật" bốn chữ, lại tồn tại trên thế gian này một trăm năm. Sau đó Phật Pháp trên thế gian sẽ hoàn toàn diệt hết. Lúc đó tam tai bát nạn, tất cả tai hại sẽ xảy đến thì thế giới này theo đó mà huỷ diệt.

Do đó chúng ta nên đặc biệt chú ý về Kinh A Di Đà. Vì thời đại mạt pháp thì pháp môn Tịnh Độ sẽ cơ nhất đối với tất cả mọi người. Nhưng thời đại mạt pháp cũng có chánh pháp tồn tại. Giống như nước Mỹ chúng ta đang ở, trước kia chưa hề nghe qua Phật Pháp, bây giờ khắp nơi đều nghe nói về Phật Pháp. Đó là Phật Pháp mới truyền vào nước này, cho nên bây giờ có rất nhiều người Mỹ thích ngồi Thiền, thích nghiên cứu Phật Pháp, mở ra mùi gió chánh pháp của Phật Giáo.

Kinh A Di Đà là đơn nhân (người) làm tên Kinh, còn đơn pháp làm tên Kinh là Kinh gì ? Là Kinh Niết Bàn. Niết là không sinh, Bàn là khôn diệt; không sinh không diệt, chẳng có pháp sinh diệt, đó là đơn pháp làm tên Kinh.

Đơn dụ làm tên Kinh là Kinh Phạm Võng. Phạm Võng là một tám lưới La Tràng ở trước cung điện của trời Đại Phạm Thiên.

Lưới La Tràng này hình thù tròn rỗng, bốn mặt có lỗ, cho nên gọi là lưới, giống như lưới đánh cá, dùng để trang nghiêm. Đại Phạm Thiên Vương thích trang trí cung điện của mình cho trang nghiêm đẹp đẽ, cho nên treo lưới La Tràng. Mỗi lỗ của tám lưới đều có hạt châu, hạt châu này phóng ra ánh sáng, cho nên gọi là dạ minh châu, ban ngày cũng phóng ánh sáng, ban đêm cũng phóng ánh sáng. Mỗi hạt châu phóng vào mỗi lỗ, cho nên quang minh chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, ánh sáng với ánh sáng chiếu soi lẫn nhau, lỗ và lỗ thông đạt với nhau, đó gọi là phạm vọng. Kinh Phạm Võng tức là phẩm Bồ Tát giới. Tại sao Bồ Tát giới dùng phạm võng để đại biểu làm tên Kinh ? Vì giới giống như hạt châu phóng quang. Bạn giữ giới thanh tịnh thì có quang minh. Ở trên đã nói qua đơn có ba : Người, pháp, dụ làm tên Kinh.

Kép có ba : Người (nhân) và pháp làm tên Kinh, người và dụ làm tên Kinh, pháp và dụ làm tên Kinh. Người và pháp làm tên Kinh tức là Kinh VănThù hải Bát Nhã. Bồ Tát Văn Thù là người, Bát Nhã là pháp. Bồ Tát Văn Thù là Bồ Tát đại trí huệ. Ngài hỏi về Bát Nhã. Bát Nhã là pháp trí huệ, người có trí huệ mới hỏi được. Bộ Kinh này dùng người và pháp để làm tên Kinh.

Người và dụ làm tên Kinh là Kinh Như Lai Sư Tử Hống. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Pháp của Như Lai nói giống như tiếng hống của sư tử, khi sư tử hống thì trăm loài thú đều sợ hãi, bất cứ là sài, lang, hổ, báo, ác thú gì cũng đều sợ hãi. Kinh Như Lai Sư Tử Hống là người và dụ làm tên Kinh.

Dùng pháp và dụ làm tên Kinh là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là dụ; dùng diệu pháp chi phối liên hoa làm đề mục cho bộ Kinh này. Cho nên bộ Kinh này dùng pháp và dụ làm tên Kinh, thuộc vào một trong ba loại kép.

Đầy đủ có một là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Phương là phương pháp cũng là Phật Pháp, Đại Phương Quảng ba chữ này giải thích đơn giản là : Phật Pháp sâu như biển cả, rộng lớn như hư không chẳng có bờ mé. Phật là người, Hoa Nghiêm là ví dụ. Hoa thì có hương thơm, đại biểu đức tính viên mãn và công đức tu hành để trang nghiêm mười thân của Phật, cho nên bộ Kinh này dùng người, pháp, dụ ba loại đầy đủ hoàn toàn để làm tên Kinh.

Người nghiên cứu Phật Pháp nên nhớ bảy loại làm tên Kinh (thất chủng lập đề), có thể tùy thời giảng Kinh. Nếu không hiểu bảy loại làm tên Kinh thì bạn chẳng phải là người nghiên cứu Phật Pháp. Trong Đại Tạng Kinh có rất nhiều loại, kinh điển cũng có mấy ngàn quyển, nhưng không ra khỏi bảy loại làm tên Kinh này. Cho nên khi xem Kinh điển thì biết bộ Kinh đó dùng gì để làm đề mục. Nhận thức được lập đề rồi thì sau đó tự nhiên sẽ đi sâu vào Tạng Kinh, trí huệ như biển. Nếu tên Kinh không biết rõ ràng, ví như gọi là Kinh Niết Bàn. Bạn nói không hiểu. Nội tên Kinh Niết Bàn đã không hiểu vậy bạn xem Kinh Niết Bàn lại có ích gì ? Nếu không nhận thức được tên Kinh thì chẳng thể đi sâu vào Tạng Kinh, cũng chẳng được trí huệ như biển; không được trí huệ như biển thì bạn một đời học Phật Pháp vẫn tối tăm mù mịt. Cho nên bảy loại làm tên Kinh này rất quan trọng.

Nếu ai cũng nhận thức được bảy loại làm tên Kinh thì có thể nghiên cứu Phật Pháp. Còn có năm tầng nghĩa huyền diệu (ngũ trùng huyền nghĩa). Năm tầng nghĩa huyền diệu là :

1. Giải thích tên Kinh.
2. Giảng giải thể Kinh.
3. Nói rõ tông chỉ.
4. Luận về dụng đồ.
5. Biết rõ giáo tướng.

Tên là bộ Kinh này dùng gì làm tên ? Thể là pháp thể của bộ Kinh này là gì ? Biết được

pháp thể rồi thì phải biết tông chỉ của Kinh nói gì ? Biết tông chỉ rồi còn phải biết dụng đồ của Kinh, biết dụng đồ rồi còn phải biết giáo tướng. Tại sao? Giống như chúng ta trước hết phải có tên, như Trương Tam, Lý Tứ, mỗi người đều có tên của họ. Biết được tên Trương Tam thì sẽ biết thân thể lớn cỡ nào? Cao bao nhiêu? Nặng bao nhiêu? Thân thể của y ra sao? Mạnh khoẻ hay không mạnh khoẻ? Dùng gì để sinh sống? Đi học hay đi làm? Trong các nghề sĩ, nông, công, thương, y làm nghề gì? Nếu y đi học thì lấy sự đi học làm tông chỉ, đi học xong lại giúp được gì? Phải chăng đi ngủ? Chẳng phải, học xong thì y sẽ phát triển dụng đồ của y. Học về khoa học thì phát triển về khoa học, học triết lý thì phát triển về triết lý, mỗi môn đều có chỗ dụng của nó. Kinh cũng như thế, biết được dụng đồ của Kinh thì đề mục và tông chỉ cũng biết được, cứu kính thân phận là gì? Ví như thầy giáo, giám đốc. Nói tóm lại mỗi người đều có thân phận của mỗi người, đó là phán rõ sự thành tựu tương lai của họ. Kinh cũng như thế, bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này dùng pháp và dụ trong bảy loại làm tên Kinh để làm đề Kinh.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ở trong năm tầng nghĩa lý huyền diệu thì thứ nhất huyền nghĩa là giải thích tên Kinh. Bộ Kinh này dùng Diệu Pháp Liên Hoa làm tên. Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là ví dụ, vì Phật Pháp vi diệu thâm sâu, một số người không

để gì hiểu nổi, cho nên dùng Liên Hoa (hoasen) để ví dụ, do đó bộ Kinh này lấy pháp và dụ làm tên.

Cứu kính thì diệu pháp là gì? Diệu đến cỡ nào? Tốt đến cỡ nào? Nay tôi nói cho bạn biết, Sự diệu này không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời bàn luận. Không thể dùng tâm để dò, nghĩ cũng nghĩ không hiểu nổi; nghĩ muốn hiểu biết thì nói không đến được sự diệu của nó. Túc nhiên nghĩ không hiểu biết, vậy không cần nói, có nói cũng không ra ! Song le không thể không nói, nói không ra tức là diệu. Nói không ra vẫn phải nói, sự nói chẳng phải diệu mà là hình dung sự diệu và tư tưởng diễn nói sự diệu này.

Cứu kính ý nghĩa thật sự về diệu là gì? Đó chỉ có Phật với Phật mới thấu rõ cảnh giới thâm sâu này. Nay giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chỉ giảng chút ít mà thôi. Song le sự chút ít này không biết phải giảng bao nhiêu ngày. Vì chữ diệu này Ngài Trí Giả Đại Sư cử tông Thiên Thai giảng mất chín chục ngày cũng chưa giảng xong chữ diệu, chỉ giảng một phần nhỏ. Năm nay (1968) vào mùa hè tôi giảng chín mươi sáu ngày mới xong bộ Kinh Lăng Nghiêm, thật có thể nói nhanh như ngòi hoả tiễn đi thám hiểm mặt trăng. Vì tôi đã từng giảng Kinh Lăng Nghiêm ở tại Hương Cảng phải mất mười bốn tháng mới giảng xong.

(còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Dẫn nhập

Chú Lăng Nghiêm là Chú quan trọng nhất, hơn hết thấy các Chú. Bao gồm hết thấy thể chất và diệu dụng của Phật Pháp. Chú này chia làm năm bộ : Kim Cang bộ, Bảo Sinh Bộ, Liên Hoa bộ, Phật bộ và Nghiệp bộ. Năm bộ này thuộc về năm phương:

1. Kim Cang Bộ : Thuộc về phương đông; Đức Phật A Súc là chủ.
2. Bảo Sinh Bộ : Thuộc về phương nam; Đức Phật Bảo Sinh là chủ.
3. Phật Bộ : Thuộc về chính giữa; Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là chủ.
4. Liên Hoa Bộ : Thuộc về phương tây; Đức Phật A Di Đà là chủ.
5. Nghiệp Bộ : Thuộc về phương bắc; Đức Phật Thành Tựu là chủ.

Nếu trên thế gian này không có người nào tụng Chú Lăng Nghiêm thì ma vương sẽ xuất hiện. Nếu còn một người trì tụng thì thiên ma Ba Tuần không dám xuất hiện. Vì chúng chỉ sợ nhất là Chú Lăng Nghiêm. Chúng muốn tiêu diệt nhất là Chú Lăng Nghiêm. Khi Pháp bắt đầu diệt thì Chú Lăng Nghiêm sẽ mất trước nhất kể cả Kinh Lăng Nghiêm. Lúc đó thiên ma Ba Tuần sẽ xuất hiện hoành hành đầy dẫy khắp nơi. Lúc đó sẽ không có trời đất, không có Phật, chúng tuyệt đối chẳng sợ gì. Cho nên tôi khuyên mỗi người phật tử (tại gia và xuất gia) học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm và trì tụng mỗi ngày. Đây chính là hộ pháp và khiến cho Pháp tồn tại lâu dài, đừng xem thường không có ý nghĩa và quan hệ gì. Ở đây chỉ có mấy chục người nghe giảng Chú Lăng Nghiêm. Nhưng chính mấy chục người này nghe giảng đã giữ chân của bọn thiên ma, khiến cho chúng hoảng sợ khi đề cập đến Chú này.

Tôi đã nghiên cứu Phật Pháp nhiều năm, không dám nói là hoàn toàn hiểu hết

Chú Lăng Nghiêm và Chú Đại Bi, nhưng bạn không thể nói tôi hiểu biết nhiều, cũng không thể nói tôi hiểu biết ít.

Có một lần, có vị đệ tử của tôi nói : "Chú Lăng Nghiêm thật là làm cho tôi bối rối, không cách chi tôi học và nhớ được." Đừng nhìn biển mà thở dài, đừng nghĩ Chú như biển cả mà ra vẻ bạn không khi nào học thuộc nó được. Tôi chỉ cho bạn một phương pháp, đừng có học hết một lần, mà phải học từng câu từng câu, từng hàng từng hàng. Khi bạn học thuộc câu đầu thì học câu kế tiếp. Ví dụ, đọc câu "Nam Mô Tát Đát Tha Già Đa Da A La Ha Đế Tam Miệu Tam Bồ Đà Toả . . .", đọc đi đọc lại đến khi bạn thuộc, nhắm mắt lại đọc thuộc lòng, thì học câu kế tiếp. Nếu bạn tham học hết một lần thì bạn không thể nào nuốt trọn một lần được. Đừng học hết một lần, đó cũng giống như muốn ăn một lần hết cả còn bò. Học Chú phải từng chút từng chút. Đừng giống như nhìn biển chằm chằm rồi nghĩ : "Nước nhiều quá, làm sao tôi có thể uống hết được." Mặc dù Chú Lăng Nghiêm rất dài, nếu bạn định tâm thì sẽ học được. Nếu ai muốn xuất gia với tôi thì phải học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm và Chú Đại Bi. Nếu không tôi sẽ không thu nhận làm đệ tử.

Nếu bạn thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm thì tôi công nhận bạn thành tâm một mức nào đó. Tại Trung Quốc thường thường học Chú Lăng Nghiêm phải mất sáu tháng. Vào mùa hè, có một đệ tử của tôi không ăn không ngủ để học Chú Lăng Nghiêm, đó là biểu thị sự thành tâm, để bụng đói thì học mau nhớ.

Tất cả các pháp đều là pháp diệu. Tôi giảng chữ diệu phải mất nhiều ngày, nhưng sự giảng của tôi không sao sánh kịp được Ngài Trí Giả Đại Sư. Ngài giảng một chữ "diệu" phải mất chín chục ngày. Cảnh giới

pháp diệu vượt ngoài sự tính toán phân biệt. Muốn học thuộc Chú Lăng Nghiêm đừng rơi vào sự tính toán phân biệt. Càng phân biệt thì bạn khó học nó, càng tính toán thì càng không hiểu nó. Đừng nghĩ : "Tại sao tôi không thể học Chú này? Đừng nghĩ gì hết ! Mà phải đọc tụng nó, đọc tụng nó như là bổn phận và trách nhiệm của bạn. Đừng học với sự vọng tưởng phân biệt so lường. Phân biệt là thức thứ sáu, tính toán là riêng về thức thứ bảy. Kinh Lăng Nghiêm mà chúng ta đọc là do nguyên nhân vấn đề Ngài A - Nan. Tại sao? Vì Ngài Chú tâm việc học mà coi nhẹ việc tu định. Nếu bạn muốn thâm nhập Chú Lăng Nghiêm thì bạn phải khử sạch sự tính toán và phân biệt. Đừng dùng thức để học Phật Pháp, mà dùng chân tâm, đó mới chính là diệu pháp.

LĂNG NGHIÊM CHÚ CÚ KỆ SỐ GIẢI

Kê : "Cứu kính kiên cố định trung vương
Trực tâm tu học chí Đạo tràng
Thân khẩu ý nghiệp tu thanh tịnh
Tham sân si niệm yếu tảo quang
Thành tác cảm ứng hoạch hiện chứng
Chuyên năng thành tựu đại thần thông
Hữu đức ngộ tư linh diệu cú
Thời khắc mạc vong thiệu long xương."

Giải : Lăng Nghiêm là tiếng Phạn, dịch là tất cả sự cứu kính kiên cố, cũng có nghĩa là "định". Định này là vua trong tất cả các định.

"Cứu kính kiên cố định trung vương". Lăng Nghiêm là vua trong tất cả các định. "Trực tâm tu học chí đạo tràng". Tu đạo phải dùng tâm ngay thẳng, dùng tâm ngay thẳng mới đạt được mục đích. Nếu bạn dùng tâm cong vạy ngoài ngoằn ngoèo tu Phật Pháp thì tu chẳng thành tựu. "Thân khẩu ý nghiệp tu thanh tịnh", "Tham sân si

niệm yếu tảo quang". Tu pháp này thì miệng không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói hai lưỡi, không chưởi mắng. Thân không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Ý niệm thì không tham sân si. Khi thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh tức là tổng trì. "Thành tác cảm ứng hoạch hiện chứng". Phải có tâm thành thì mới có cảm ứng. Hiện tại thì chứng được lực lượng của chú bất khả tu nghĩ. "Chuyên năng thành tựu đại thần thông. Chú Lăng Nghiêm gồm có năm hội (năm đệ), có hơn ba mươi đoạn pháp. Trong Chú lại có hàng phục pháp, câu triệu pháp, tiêu tai pháp, tăng ích pháp, thành tựu pháp, cát tường pháp. v.v., rất nhiều loại pháp. "Hữu đức ngộ tư linh diệu cú". Có đức hạnh mới gặp được pháp này. Người không có đức hạnh thì có gặp được cũng không hiểu. Thần diệu chương cú này thâm sâu không thể nghĩ bàn. "Thời khắc mạc vong thiệu long xương". Thời thời khắc khắc đừng quên pháp này, hay thành tâm chuyên nhất thì rạng rỡ hưng thịnh Phật Pháp. Đó là lược nói đại khái về Chú Lăng Nghiêm. Nếu nói tỉ mỉ thì nói không hết được. Bạn muốn minh bạch thì phải tự mình nghiên cứu kỹ càng. Đây là diệu pháp trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, đừng để lỡ mất cơ hội.

PHƯƠNG TIỆN TRÌ CHÚ

Trì tức là thọ trì, thọ nơi tâm, trì nơi thân. "Trì" cũng giống như dùng tay cầm vật gì. Trì niệm thần Chú thì đừng quên nó, đừng thiếu nó, phải niệm từ từ, thời thời khắc tụng trì Chú này.

Trì Chú nên có một đàn tràng gọi là Chú đàn, cũng giống như truyền giới cần có giới đàn. Chú đàn phải thanh tịnh, không cho người vào hỗn tạp, chỉ có người trì Chú tu pháp ở trong đó. Nghi kiến lập đàn là phương tiện trước khi trì Chú, kiến đàn vốn có quy cũ nhất định, trong Kinh Lăng Nghiêm có nói đến, đây là vì người tụng Kinh hành đạo cầu hiện chứng mà thiết lập. Hiện

chúng là đời này đắc được lợi ích của Chú. Nếu truy tố phát tâm tán trì. Truy là người xuất gia; tố là người tại gia, tán trì tức là không có đàn tràng, như vậy phải chuyên nhất tâm ý kiên thành cung kính. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói : "Nếu có chúng sinh khởi tâm tán loạn thì chẳng phải là Tam Ma Địa. Tâm nhớ niệm trì là kim cương vương, thường tùy tùng theo các thiện nam tử, hà huống là người phát đại Bồ Đề tâm". "Tán tâm trì Chú, không ở trong định thì có tám vạn bốn ngàn kim cương vương hộ pháp thường theo bạn, hà huống quyết định phát tâm đại Bồ Đề." Trong Kinh lại nói : "Nếu không làm đàn, không nhập đạo tràng, cũng không hành đạo, tụng trì Chú này, vẫn đồng công đức nhập đạo tràng không khác. Cho đến đọc tụng biên chép Chú này, có ở trong người thì ở đâu cũng yên nhà cửa vườn tược, tích nghiệp như thế không lâu sẽ ngộ vô sinh nhẫn".

Chỉ nói đơn giản chỗ chính yếu. Trì Chú phải tam mật tương ưng mới đắc được cảm ứng. Tam mật tức là miệng tụng thần Chú, tâm tưởng chữ Phạm, tay kết ấn tướng, cũng gọi là tam đàn. Tại sao gọi là thần Chú? Vì diệu không thể tả. Tâm tưởng chữ Phạm là quán tưởng mặt sau tâm Chú của mỗi chữ Phạm. Tam mật tương ưng là phương tiện trước khi trì Chú.

Thứ nhất là "Chú ngữ đàn". Trì Chú thì tự nhiên kết thành đàn, đây là nói mỗi ngày, hoặc mỗi lần trước tiên niệm Chú Lăng Nghiêm một biến, sau đó trì 'tâm Chú' một trăm lẻ tám biến. Tâm Chú tức là : Đát điệt tha. Án a na lệ ti xá đề, bệ ra bạt xà ra đà rị, phấn tra phấn tra, ni bạt xà ra bàng ni, phấn hổ hồng đô rô ung phấn ta bà ha". Tâm Chú này diệu không thể tả. Nếu giữa trời đất không có ai niệm Chú Lăng Nghiêm này thì tất cả yêu ma quỷ quái đều xuất hiện ra đời. Tâm Chú này có hai câu "A Na Lệ, Ti Xá Đề". Một câu nghĩa là đọc cùng tam tế, một

câu nghĩa là ngang khắp mười phương. Một khi niệm hai câu Chú này thì thiên ma ngoại đạo không có chỗ đào thoát. Chúng sẽ lão lão thực thực nghe vầy kêu. Chỉ sức lực của hai câu Chú này thật không thể nghĩ bàn. Nếu sáng sớm bạn tụng Chú Lăng Nghiêm một biến, sau đó tụng tâm Chú 108 biến thì sẽ được phước báu vô lượng vô biên. Cho nên nói nếu bạn trì tụng Chú Lăng Nghiêm thì đời sau sẽ đắc được sự giàu sang phú quý bảy đời. Đây là nói bạn muốn cầu phước báu trời người, nếu không muốn cầu thì đương nhiên không cần. Nếu bạn muốn cầu quả báu xuất thế thì sẽ đạt được mục đích. Đây là "Chú ngữ đàn".

Thứ hai là "Tâm Tưởng Đàn". Nghĩa là khi tụng tâm Chú thì quán tưởng từng chữ Phạm. Nói đến chữ Phạm, có lúc sự tình không nhất định phải minh bạch, nếu minh bạch thì nhuệ khí cảm thấy đã đủ rồi. Nếu không minh bạch thì cảm thấy có chút ý nghĩa trong đó. Không minh bạch thì ví như ăn đồ ăn, chưa ăn thì cảm thấy ngon, ăn rồi thì nếm qua chua ngọt đắng cay, tâm tham ăn dừng lại, cảm thấy chẳng còn ngon nữa. Tu hành cũng như thế. Nếu bạn không biết ý nghĩa của Chú, ý nghĩa của chữ Phạm thì cảm thấy diệu không thể tả. Tâm niệm luôn luôn nghĩ muốn biết, nếu bạn biết rồi thì không chú ý. Quán tưởng chữ Phạm cũng lại như thế. Vì chữ Phạm chúng ta chưa học qua nên không biết ý nghĩa của nó, không giống như chữ Tàu. Đây là chữ "đại", kia là hai chữ "Bồ Tát". Quán tưởng chữ Phạm sẽ đắc được ngũ nhãn lục thông, phải quán từng chữ từng chữ rõ ràng, mở mắt nhắm mắt đều thấy rõ ràng, lâu dần thì chỗ diệu dụng sẽ phát sinh, có thể khiến cho bạn khai ngũ nhãn lục thông, thông nhân đạt quả, la do chúng ta không minh bạch chữ Phạm nên có một sức lực thần diệu.

Quán tưởng chữ Phạm cũng là phương pháp khoá tâm lại, chế tâm tại một chỗ dừng

cho vọng tưởng ấn nhập vào từng chữ Phạm trong tâm, bất cứ mở hoặc nhắm mắt đều rõ ràng. Như thế thì lâu dần sẽ đắc được tam muội.

Thứ ba là "Thủ ấn đàn". Thủ ấn cũng gọi thủ quyết. Một số cho rằng kháp quyết niệm chú tức là sáp quyết. Đã minh bạch Chú ngữ đàn và Quán tưởng đàn rồi thì Thủ ấn đàn cũng phải minh bạch. Trong "Nhất Tự Phật Đỉnh Luân Vương Niệm Tụng Nghi Quy" có nói rõ. "Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn", dùng hai ngón cái, mỗi ngón bắt lấy đầu ngón thứ tư, chạm nhau, hai đầu ngón cong như hình cái lọng, hai ngón giữa cong một chút, chạm nhau, hai ngón út dựng thẳng chạm nhau, tức thành Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Luân Vương Ấn Tướng.

Kháp quyết niệm Chú tức là bạn phải tập trung tinh thần, bạn làm động tác này thì không nên khởi vọng tưởng gì khác. Chẳng phải ý nghĩa gì khác, chẳng phải nói một khi kháp quyết thì linh. Nếu bạn không có vọng tưởng gì khác, không kháp quyết cũng là tam mật tương ưng. Nên biết chân lý, tại sao lại có tam mật tương ưng, vì Chú Ngữ Đàn, Quán Tưởng Đàn, Thủ Ấn Đàn đều muốn bạn đừng khởi bất cứ vọng tưởng gì. Cho nên chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán.

Còn có Thủ Ấn Kim Cang Quyền, Kim Cang Chưởng, Kim Cang Phục, rất đơn giản không phức tạp như "Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn". Hai bàn tay nắm lại gọi là Kim Cang Chưởng, nhưng đừng trợn mắt, bằng không thì thành Kim Cang Trợn Mắt.

Mười ngón tay bắt chéo với nhau ngửa lên gọi là Kim Cang Chưởng, úp xuống gọi là Kim Cang Phục. Hết thầy pháp tam muội đều do Kim Cang Quyền, Kim Cang Chưởng, và Kim Cang Phục sinh ra. Khi bạn niệm Chú thì tam đàn sẽ tương ưng. Tam thủ ấn này muốn kết ấn nào cũng được, đều thành "Lãng Nghiêm Vương Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Tâm Chú Ấn". Sau đó quán tưởng tụng niệm Chú này thì tam mật tương ưng. Được như thế thì sẽ đắc được thân khẩu ý tam luân bất khả tư nghì của mười phương chư Phật. Bất cứ sở cầu thế gian, xuất thế gian không có gì mà chẳng được như ý, nhưng tốt nhất vẫn là chẳng có mong cầu gì. Vì có sở cầu thì có tâm tham, có tâm tham thì chẳng đắc được cảm ứng hiện thời, không thể được vô lượng công đức. Nếu không có cầu gì thì công đức mới lớn.

Nếu bạn không thể bắt ấn thì trong bộ mật có ba bài Chú, cũng tùy theo niệm mà thành đàn. Thứ nhất là Pháp Giới Chân Ngôn : "Úm phạ nhật la đà đở một". Niệm rồi thì pháp giới đều thanh tịnh. Thứ hai là Thanh Tịnh Chơn Ngôn : "Úm Lam Sa Ha". Thứ ba là khi phóng diệm khẩu thì niệm Tam Đàn Chân Ngôn : "Úm Hạ Hồng". Tam Đàn tức là Phật, Pháp, Tăng. Chữ Úm là trên đỉnh Tỳ Lô làm Phật Đàn. Chữ Hạ là trong miệng Di Đà làm Pháp Đàn. Chữ Hồng thì trong tâm A Súc làm Tăng Đàn. Ba câu Chú này mỗi câu niệm bảy biến thì tam mật cũng tương ưng. Trước khi niệm Chú niệm bài này cũng rất tốt.

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Chú Đại Bi, vốn chẳng có cách gì giảng được, vì Chú là mật ngữ bí mật. Nếu muốn biết ý nghĩa của Chú Đại Bi thì trước hết tôi nói một bài kệ. Bài kệ này nói về Chú Đại Bi :

‘Đại bi đại Chú thông thiên địa

Nhất bách nhất thiên thập vương hoan

Đại bi đại từ năng khử bệnh

Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền’.

"Đại bi đại Chú thông thiên địa" : Bạn đọc Chú Đại Bi thì trên trời cũng chấn động, dưới đất cũng chấn động, thông thiên triệt địa.

"Nhất bách nhất thiên thập vương hoan" : Mỗi ngày bạn tụng 108 biến, tụng một ngàn ngày; một năm có 365 ngày, một ngàn ngày tức khoảng ba năm. Bạn tụng ba năm mà mỗi ngày tụng chẳng gián đoạn. Mỗi ngày lúc nào bạn tụng chú đại bi thì nhất định tụng vào lúc đó, dù bạn thế nào bạn cũng tụng 108 biến. "thập vương" là mười ông vua ở dưới địa ngục, còn gọi là thập điện Diêm Vương, các vị ấy đều vui mừng, đó gọi là "nhất bách nhất thiên thập vương hoan".

"Đại từ đại bi năng khử bệnh" : Vì sao Chú Đại Bi gọi là Chú Đại Bi ? Vì "bi hay cứu khổ", hay cứu tất cả khổ nạn của chúng sinh; đó là "cứu khổ ban vui", cho nên gọi là Chú Đại Bi. Cứu khổ ban vui, chủ yếu là có thể trị bệnh; bất cứ có bệnh gì, bạn tụng Chú Đại Bi thì bệnh đều khỏi hẳn. Có người nói : "Tôi tụng Chú Đại Bi sao bệnh không khỏi hẳn ?" Vì bạn chẳng thành tâm; nếu bạn thành tâm, thì nhất định sẽ có cảm ứng của Chú Đại Bi.

"Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền": Mỗi ngày bạn tụng 108 biến mà tụng một ngàn ngày, tức cũng khoảng thời gian ba năm, thì mười ông vua Diêm Vương đều vui mừng, bệnh gì cũng đều có thể trị được. Lúc đó bạn lập được rất nhiều công; vì trong thời gian ba năm, hằng ngày bạn

đều tụng Chú, chẳng tạo nghiệp. Dưới địa ngục có một tấm gương gọi là "nghiệt kính đài", bất cứ bạn tạo tội nghiệp gì thì đều hiển hiện ra ở trong tấm gương đó, giống như màn ảnh truyền hình. Một đời bạn làm gì, như bạn giết người thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra tình hình bạn giết người; bạn trộm cắp vật của người thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra cảnh tượng bạn trộm cắp; nếu bạn đi đốt nhà phóng lửa thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra nghiệp bạn đã làm. Nếu bạn chẳng có nghiệp gì thì sao, thì trong tấm gương đó chẳng có cảnh giới gì để hiện ra. Cho nên trong ba năm bạn tụng Chú Đại Bi, nếu chẳng uống rượu, chẳng ăn thịt, chẳng ăn ngũ tân (hành, hành tây, hẹ, tỏi, nén) thì khi tấm gương "nghiệt kính đài" chiếu lên thì bạn chẳng có nghiệp chướng gì; ở dưới địa ngục cho bạn mang tấm bảng nói rằng : "Người đó tụng trì Chú Đại Bi, đã tiêu trừ nghiệp của họ, tất cả quỷ thần dưới địa ngục thấy người đó đều cúi đầu đánh lễ cung kính như chư Phật ba đời và đều bảo hộ người đó như bảo hộ tất cả chư Phật, và cũng đi khắp nơi nói với các quỷ thần khác rằng thấy người đó đừng có nhiễu loạn họ". Cho nên Chú Đại Bi có oai lực như thế, thật là không thể nghĩ bàn. Bây giờ giảng về Chú Đại Bi.

1. Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia.

Chúng ta thường niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", "Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật"; niệm thì niệm, vậy cứu kính hai chữ "Nam Mô" nghĩa là gì ? Rất ít người biết. Trước kia tôi từng hỏi nghĩa hai chữ "Nam Mô" như thế nào ? Chẳng có ai trả lời được như ý, họ đều chẳng biết.

"Nam Mô" là Phạn ngữ, dịch ra nghĩa là "quy y", cũng là "quy mạng kính đầu". Quy mạng là đem mạng sống của mình giao cho Phật, mình chẳng cần; Phật kêu ta sống

thì ta sống, kêu ta chết thì ta chết, nghe sự chỉ đạo của Phật. Kính la cung kính; đầu là nương tựa. Kính đầu tức là cung kính nương tựa vào Phật. Chúng ta quy mạng tức là thân của chúng ta cũng quy y cho Phật, tâm cũng quy y cho Phật; thân tâm đều quy y cho Phật.

"Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia": Nói tổng quát tức là mười phương vô lượng vô tận Tam Bảo, trên hình vẽ nói là bốn thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tuy là bốn thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức cũng là quy y mười phương chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Niệm câu Chú này ra chẳng phải chỉ kêu ta quy y mười phương vô tận thường trụ Tam Bảo mà cũng khiến cho tất cả chúng sinh nghe được câu mật ngữ này thì đều quy mạng nương tựa vào mười phương ba đời vô tận vô tận thường trụ Tam Bảo. Tam Bảo như bạn đã biết là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Bạn phải biết trên thế gian cao quý nhất là Phật Bảo, cao quý nhất là Pháp Bảo, cao quý nhất cũng là Tăng Bảo. Chẳng có gì cao quý hơn bằng Tam Bảo. Chẳng những trong thế gian, mà dù xuất thế gian cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ cũng chẳng cao quý bằng Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo. Cho nên trong mười pháp giới thì pháp giới của Phật là cao nhất. Cao nhất là Tam Bảo, nên chúng ta phải quy y, phải cung kính, phải tin nhận, đừng có tư hào tâm hoài nghi; phải sinh tâm tin sâu sắc.

Quy y Tam Bảo có lợi ích gì? Quy y Phật thì chẳng đọa địa ngục; quy y Pháp thì chẳng đọa làm ngựa quý; quy y Tăng thì chẳng đọa làm súc sinh. Đó là nói sơ về quy y Tam Bảo.

Song le bạn quy y thì phải làm các điều lành mới được, nếu bạn vẫn giống như trước, sát sinh giết người, phóng hỏa, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, chẳng có gì mà chẳng làm thì bạn chẳng tránh khỏi

ba đường ác. Vì trong Phật pháp chẳng nói gì đến nhân tình. Chẳng phải nói: "Bạn đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng. Quy y Phật thì chẳng đọa vào địa ngục; quy y Pháp thì chẳng đọa làm ngựa quý; quy y Tăng thì chẳng đọa làm súc sinh. Vậy thì bạn cứ tùy tiện muốn làm gì thì làm", chẳng phải vậy. Bạn phải cải ác hướng thiện, vĩnh viễn không làm việc xấu nữa mới được. Nếu bạn vẫn làm việc xấu thì vẫn đọa địa ngục như nhau. Chẳng giống như các ngoại đạo khác nói: "Chỉ cần bạn tin Chúa thì dù bạn tạo tội nghiệp cũng được lên thiên đàng; nếu bạn chẳng tin Chúa, thì dù bạn làm công đức cũng đọa địa ngục". Chẳng phải đạo lý như thế. Dù bạn tin Phật, nếu bạn tạo tội nghiệp thì nhất định cũng đọa địa ngục như nhau; dù bạn chẳng tin Phật, nếu bạn làm công đức, cũng được sinh về cõi trời như nhau. Phật pháp chẳng phải là một thứ đạo lý mê hoặc lòng người, nói: "Người phải tin ta thì muốn gì cũng đều được", chẳng phải như thế. Bạn tin Phật cũng phải đừng tạo tội nghiệp mới được; nếu bạn tạo tội nghiệp thì vẫn bị đọa địa ngục như thường. Tức nhiên đọa địa ngục như nhau, vậy tại sao còn phải quy y Tam Bảo? Quy y Tam Bảo thì bạn phải cải ác hướng thiện, sửa đổi lỗi lầm, làm con người mới, từ nay về sau chỉ làm việc lành, chẳng làm việc xấu nữa, như thế thì mới được lợi ích. Cho nên câu này là quy y mười phương vô tận vô tận Tam Bảo.

Bạn niệm câu Chú này thì bạn cũng được tiêu tai. Bạn có tai nạn gì, mà thường niệm "Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia" thì tai nạn của bạn sẽ được giải trừ, tai nạn lớn thì sẽ biến thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ thì sẽ biến thành chẳng có tai nạn. Cho nên đây là 'tiêu tai pháp'.

"Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia" còn là 'tăng ích pháp'. Tăng ích pháp tức là bạn vốn đã có căn lành rồi mà bạn niệm Chú này thì căn lành của bạn càng

tăng thêm, đắc được lợi ích càng nhiều, cho nên gọi là tăng ích pháp.

Bạn thường niệm Chú Đại Bi, niệm riêng một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", thì bất cứ bạn muốn gì, mong cầu gì, bạn sẽ được sở cầu như ý, sở nguyện toại tâm, đây là 'thành tựu pháp'. Bạn cầu gì cũng đều sẽ thành công. Ví như chẳng có con, muốn cầu con thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì sẽ được con. Chẳng có bạn trăm năm mà bạn muốn tìm một người bạn tốt thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì cũng sẽ được người bạn tốt. Song le bạn phải thành tâm, chẳng phải niệm một ngày, hai ngày, mà ít nhất bạn phải niệm ba năm. Nếu bạn niệm hết toàn bài Chú thì càng tốt, nếu không niệm hết thì niệm một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" cũng thành tựu công đức bất khả tư nghì.

Giống như tại Đông Bắc bên Trung Quốc, có một thứ ngoại đạo gọi là 'Lý môn'. Chúng chẳng niệm gì khác, chỉ niệm một câu này. Vị lãnh tụ tối cao ngồi ở đó thọ người lễ lạy, ai ai cũng đều cuối đầu lạy anh ta. Trong tâm anh ta chỉ chuyên môn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", đó là pháp linh cảm của Lý môn. Một vị ngồi kế bên anh ta gọi là 'lãnh chánh', còn vị nữa gọi là 'bang chánh', ba người ngồi ở tại đó, giống như là 'phóng diệm khẩu'(chấn tế cô hồn). Đó tức là Lý môn. Nếu có ai đi "tại lý" thì anh ta truyền một câu mật ngữ. Câu mật ngữ này kêu bạn duỗi tay ra, tức là "Quán, Thế, Âm, Bồ, Tát", chỉ mấy chữ; tại lý xong rồi thì coi như đã "triện thượng", triện thượng rồi thì về sau chẳng cần mở miệng niệm; phải niệm ở trong tâm : "Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát", chẳng niệm ra lời. Câu pháp này "phụ tử bất qua, thê tử bất

truyền", giữa cha và con cũng không thể truyền, dù vợ chồng cũng không được nói. Đắc được năm chữ này rồi thì gọi là "ngũ tự chân ngôn". Sau đó lại bảo bạn "tại lý", không niệm như vậy nữa mà phải "bế khẩu tàng thiệt", cầm miệng, lưỡi thì ẩn nấu đi; "thiệt tiêm đình thượng ngạc", "khí khác tâm niệm", niệm ở trong tâm; "ý căn pháp hiện". Đây nói thật là hảo diệu, hảo thần mật. Tại phương bắc có một cái hội gọi là "giới yên tửu hội", hội này chủ yếu là không uống rượu, không hút thuốc, tức gọi "tại lý công sở". Ở Trung Quốc gần hơn một trăm năm đến nay "công sở đạo" rất là thịnh hành, họ nương vào câu Chú này. Làm Pháp sư ngồi tại chánh tòa "tòa lý" niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia". Vì trước kia những nơi này tôi đều đã đi qua cho nên tôi đều biết.

Câu Chú này cũng là "hàng phục pháp", hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo nghe thấy câu Chú này thì đều bỏ chạy, song le chẳng phải là "câu triệu pháp"; câu triệu pháp tức là một khi niệm câu Chú này thì bất thiên ma quỷ quái lại. Cho nên câu Chú "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" này có công năng không thể nghĩ bàn; nếu nói ra nhiều thì vô cùng vô tận.

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia": Nam Mô : là "quy mạng kính đầu", Hắc La Đất Na : là "Bảo"; Đa La Dạ : là "Tam"; Gia : Là "lễ". Hợp lại nghĩa là nói dùng thân tâm tính mạng của chúng ta quy y cho mười phương ba đời vô tận vô tận Tam Bảo, chúng ta cúi đầu đánh lễ Tam Bảo.

Vô tận là gì ? Chư Phật quá khứ chẳng cùng tận, chư Phật hiện tại chẳng cùng tận, chư Phật vị lai cũng chẳng cùng tận; đó gọi là vô tận Tam Bảo.

(còn tiếp)

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Quyển mới Duyên Kh^ai

Trí Độ đạo lớn, Phật lành lại
Trí Độ biển lớn, Phật cùng đáy
Trí Độ tướng nghĩa, Phật vô ngại
Cúi đầu Trí Độ vô đẳng Phật
Hữu, vô hai kiến diệt không còn
Các pháp thật tướng Phật nói ra
Thường trụ bất hoại sạch phiền não
Cúi đầu noi Phật, tôn trọng Pháp Thánh
chúng bề lớn làm ruộng Phước
Người học vô học dùng trang nghiêm
Hậu hữu giống ái hết đã lâu
Ngã sở đã diệt, căn đã trừ
Đã xả thế gian các sự nghiệp
Hết thấy công đức chôn trụ xứ
Tất cả trong chúng làm tối thượng
Cúi đầu chân tịnh Đại Đức Tăng
Nhất tâm cung kính Tam Bảo rồi
Và các cứu thế Ngài Di Lạc
Trí huệ đệ nhất Xá Lợi Phất
Vô tránh không hành Tu Bồ Đề
Tôi nay như lục muốn diễn nói
Đại trí bờ kia, nghĩa thật tướng
Nguyện chư Đại Đức Thánh trí nhân
Nhất tâm thiện thuận nghe tôi nói :

Hỏi :

Phật vì nhân duyên gì mà nói Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (để tiện, từ nay về sau viết tắt là MHBNBLM) ? Pháp của chư Phật nói ra không bao giờ chỉ vì một nhân duyên

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Viết dịch : H.T Thích Trung Quán

nhỏ hoặc chẳng có duyên có. Cũng như núi Tu Di-Vương không bao giờ lay động vì vô có hay chỉ vì một nhân duyên nhỏ. Như vậy, vì nhân duyên lớn gì mà Phật nói Kinh MHBNBLM ?

Đáp : Các Kinh trong tam tạng, Phật dùng đủ mọi thí dụ để giảng pháp cho hàng Thanh Văn nghe, chứ không nói về đạo Bồ Tát, chỉ trong Kinh Trung A Hàm cuốn cuối mới thấy Phật thụ ký cho Ngài Di Lạc " ở đời vị lai, ông sẽ thành Phật, hiệu là Di Lạc". Tuy nhiên Phật cũng chẳng nói đến các hạnh Bồ Tát. Nay Phật muốn vì Ngài Di Lạc giảng rộng các Hạnh Bồ Tát nên nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, có Bồ Tát tu niệm Phật tam muội, Phật vì muốn cho họ được lợi lạc nên nói Kinh MHBNBLM. Như phẩm đầu Kinh MHBNBLM có nói : "Phật hiện thân tức thông phóng ra ánh sáng vàng ròng chiếu khắp các thế giới ở mười phương nhiều như số các sông Hằng. Ngài thị hiện thân to lớn thanh tịnh toàn ánh sáng màu sắc vi diệu đầy cả hư không. Phật ở trong chúng đốn nghiêm lạ lùng, không ai bì kịp, ví như núi Tu Di Vương sừng sững giữa biển cả. Các Bồ Tát ở trong tam muội thấy Phật hiện thân thông biến hoá càng thêm phấn khởi. Vì lẽ này mà Phật nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, Bồ Tát lúc sơ sinh phóng đại quang minh chiếu khắp mười phương, đi bảy bước, xem bốn phương mà nói kệ rằng :

"Phần thai sinh ta hết
Thân này là sau cùng
Ta đã được giải thoát
Sẽ lại độ chúng sinh".

Thế rồi thân lớn dần lên, muốn bỏ thân tộc xuất gia tu đạo, nửa đêm dậy quan sát thấy các kỹ nữ, cung phi, thể nữ đáng như thầy

chết hôi hám. Liền gọi Xa Nặc dắt con bạch mã, nửa đêm bay qua thành, đi mười hai do tuần, đến chỗ ông tiên Bạt Già Bà ở trong rừng, lấy dao cắt tóc, đem áo báu thượng diệu đổi lấy áo vải thô. Ở bên sông Ni Liên Thiên sáu năm tu khổ hạnh, ngày ăn một hạt mè hoặc một hạt gạo, rồi tự nghĩ rằng : "Nơi đây chẳng phải đạo". Rồi Bồ Tát bỏ sự tu khổ hạnh đến dưới cội Bồ đề ngồi trên toà Kim cang, ma vương đem mười tám ức vạn chúng đến quấy nhiễu, Bồ Tát dùng sức trí huệ hàng phục bọn ma rồi liền đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ chúa ba ngàn thế giới là vua Phạm Thiên cùng các trời cõi sắc, vua Đế Thích, cùng các trời cõi dục và Tứ Thiên Vương đều đến khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp. Vì cũng là ý nguyện đại từ đại bi của Phật nên Ngài nhận lời. Các pháp thâm sâu là Bát Nhã, nên Phật nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, có người nghi Phật không được Nhất Thiết Trí, vì các pháp vô lượng vô số, làm sao một người biết hết được !

Phật trụ ở thật tướng thanh tịnh như hư không, trong vô lượng vô số pháp Bát Nhã Ba La Mật, tự phát lời thành thật : Ta là người Nhất Thiết Trí, muốn đoạn nghi cho tất cả chúng sinh nên nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, có chúng sinh đáng được độ, bởi Phật có đại công đức, trí huệ vô lượng, khó biết khó hiểu, vì kẻ ác sư mê hoặc, tà kiến không vào được chánh đạo mà khởi tâm đại từ, đưa tay đại bi cứu vớt, khiến cho họ vào trong Phật đạo, cho nên tự hiện công đức tối diệu, xuất đại thần lực như trong Kinh MHBNBLM, phẩm đầu có nói : Phật nhập tam muội vương tam muội ! Từ tam muội dậy, dùng thiên nhãn xem xét mười phương thế giới, toàn lỗ chân lông đều cười. Từ dưới bàn chân, tướng bánh xe ngàn căm phóng ra sáu trăm ngàn vạn ức các màu sắc quang minh. Từ trên đốt ngón chân lên đến nhục kế, nơi nơi đều phóng sáu trăm ngàn

vạn ức đủ loại màu sắc quang minh, chiếu khắp mười phương vô lượng vô số cõi Phật nhiều như số các sông Hằng, khiến cho đều sáng rực rỡ. Phật muốn tuyên bày tất cả các pháp thật tướng, đoạn trừ tất cả nghi kết của chúng sinh, nên nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, có kẻ ác tà mang lòng ghen ghét phỉ báng rằng : Trí tuệ của Phật không vượt hơn người, chỉ đem huyền thuật mê hoặc thế gian. Vì muốn trừ trừ ý cống cao tà mạn của họ nên Phật hiện vô lượng thần lực, vô lượng trí tuệ lực. Trong Kinh MHBNBLM, Phật tự nói : Ta thần đức vô lượng , ba cõi đặc tôn, che chở giúp đỡ tất cả, nếu phát một niệm ác, thiê phải tội vô lượng, phát một niệm tịnh tín thì được hưởng sự vui cõi trời, cõi người, tất sẽ được quả Niết Bàn. Lại nữa, muốn khiến cho người tin nhận pháp, nên nói : Ta là bậc Đạo Sư ! có mười lực, bốn vô sở úy, an lập thánh chúa trụ xứ, tâm được tự tại, chuyển Diệu pháp luân, ở tất cả thế giới là là tối tôn, tối thượng. Lại nữa, Phật muốn cho chúng sinh hoan hỉ nên trong Kinh MHBNBLM có nói : Các ông nên sinh hoan hỉ ! Vì sao? Tất cả chúng sinh vào lưới tà kiến, bị thầy ác làm mê hoặc. Ta đã thoát khỏi lưới tà của ác sư. Bậc đại sư có mười lực rất khó gặp, khó thấy, các ông nay đã được gặp, ta sẽ tùy thời khai phát ba mươi bảy phẩm, các pháp tạng sâu thẳm, tha hồ gặt hái ! Lại nữa, tất cả chúng sinh bị bệnh kết sử (ràng buộc) phiền não. Từ khi có sinh tử đến nay, không có người nào biết trị được bệnh ấy, thường bị ngoại đạo ác sư làm mê lầm, nay ta ra đời làm đại Y - Vương, hạp các thuốc pháp, các ông hãy uống. Vì thế Phật nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, có người nghĩ rằng Phật cũng như người ta ! Cũng có sinh tử, thực chịu đói khác, nóng, lạnh, già chết. Phật muốn đoạn trừ ý ấy nên nói Kinh

MHBNBLM, Ngài bảo rằng : Thân ta chẳng thể nghĩ bàn dù vua Phạm Thiên, cha ông của các cõi trời ở trong hàng hà sa kiếp muốn suy lường về thân ta, nghiên cứu tiếng của ta cũng không thể đo lường được, huống chi là trí huệ của ta ! Như bài kệ có nói :

"Trong thật tướng các pháp
Các vua Phạm Thiên thấy
Tất cả thiên địa chúa
Mê hoặc không hiểu hết
Pháp này nhiệm sâu xa
Không hay so lường được
Phật ra khai mở hết
Sáng như mặt trời chiếu".

Lại như khi Phật chuyển Pháp luân lần đầu, những Bồ Tát từ phương khác đến muốn lường thân Phật, phóng lên hư không qua vô lượng cõi Phật, đến thế giới Hoa Thượng, thấy thân Phật vẫn như thế nên nói kệ rằng :

"Hư không chẳng có bờ
Công đức Phật cũng thế !
Vì muốn lường thân Phật
Luống uống chẳng hay biết
Lên qua cõi hư không
Vô lượng các cõi Phật
Thấy thân Thích sư tử
Như cũ chẳng khác biệt
Thân Phật như núi vàng
Diễn xuất đại quang minh
Tướng tốt tự trang nghiêm
Như hoa mùa xuân nở" !

Thân Phật vô lượng, quang minh âm thanh cũng vô lượng, giới định huệ .v.v. các công đức của Phật thấy đều vô lượng. Trong Kinh Mật Tích Tam Muội có nói rộng.

Lại nữa, lúc Phật thị hiện sơ sinh, bước xuống đất đi bảy bước, miệng tự nói ra, nói xong lại lặng yên như các hài nhi khác, không đi, không nói bú mớm ba năm, dần dần lớn lên. Song thân Phật vô số, hơn cả thế gian, vì chúng sinh nên hiện như người phàm. Người phàm khi sinh, thân phận các căn và ý thức chưa được thành tựu, cách đi,

đứng nằm, ngồi, nói, nín, phải đợi thời gian và học hỏi. Nay Phật dùng sức phương tiện cũng thị hiện sinh ra và lớn lên như mọi người, khiến cho chúng sinh thêm lòng tin sâu chắc. Nếu Bồ Tát sinh ra đi ngay, nói ngay thì người đời sẽ nghĩ rằng người này chắc là trời, rồng hay quỷ thần. Còn về học pháp thì chúng ta chẳng theo kịp, vì sao ? Chúng ta sống chết với cái thân bằng máu thịt, vì nghiệp ràng buộc lôi kéo, không được tự tại, không được thành Thánh hiền, pháp khí. Vì độ chúng sinh mà Phật thị hiện sinh ra trong vườn Lâm Tỳ Ni, lớn lên xuất gia, tự nhớ đời trước thời Đức Phật Ca Diếp, trì giới hành đạo mà hiện tu sáu năm khổ hạnh. Bồ Tát tuy làm chủ ba ngàn đại thiên thế giới mà hiện tướng phá ma quân, thành vô thượng đạo, là tùy thuận thế gian mà hiện các tướng ấy. Nay ở trong Bát Nhã Ba La Mật, hiện sức đại thần thông trí huệ.

Lại nữa, trong các người đáng được độ, có người lạc vào chấp hai bên(có và không) hoặc rơi vào các pháp hữu vi(có sinh có diệt) hoặc chấp tu khổ hạnh. Những người này ở trong đê nhất nghĩa mất Niết Bàn chính đạo. Phật muốn nhổ trừ hai bên, khiến cho họ trung đạo nên nói Kinh MHBNBLM.

Lại nữa, phân biệt sinh thân, pháp thân, quả báo cúng dàng, nên nói Kinh MHBNBLM, như trong phẩm Xá Lợi Tháp có nói. Lại nữa, muốn nói tướng thoái chuyển, bất thoái chuyển. Lại nữa, muốn nói ma huyễn, ma ngụy, ma sự. Lại nữa, vì nhân duyên cúng dàng Bát Nhã Ba La Mật của người đời sau, lại muốn thụ ký riêng cho ba thừa nên nói Kinh MHBNBLM. Như Phật bảo Ngài A-Nan : Sau khi ta vào Niết Bàn, Bát Nhã Ba La Mật này sẽ đến phương nam. Từ phương nam đến phương tây. Sau năm trăm năm sẽ đến phương bắc, sẽ có nhiều người tin. Thiện nam tín nữ đem hương hoa, phan lọng, nhạc hay, đèn sáng,

đồ vật quý báu cúng dường hoặc tự viết hoặc mượn họ viết hoặc hoặc đọc tụng, nghe nói, chính ức niệm tu hành, như pháp cúng dường. Người ấy do nhân duyên ấy, được hưởng hết thấy thú vui thế gian, đến đời sau sẽ đắc được ba thừa, vào vô dư Niết Bàn. Như thế coi việc nhân duyên trong các phẩm nên nói Kinh MHBNBLM. Lại nữa, Phật muốn nói tướng đệ nhất nghĩa tất đàn, nên nói Kinh MHBNBLM. (Lời phụ : Tất : là khắp cả, đàn : là cho, vậy tất đàn là rộng rãi làm lợi ích khắp tất cả. Có bốn thứ tất đàn.

A. Thế giới tất đàn : Cho khiến cho được lợi ích, vui mừng, tuy chưa phá ác sinh thiện, nhưng pháp hỷ đã được đầy đủ.

B. Vị nhân tất đàn : Cho khiến cho được lợi ích sinh thiện. Như sau khi nghe Kinh thì thích làm việc lành.

C. Đối trị tất đàn : Cho khiến cho được lợi ích phá ác. Như sau khi nghe Kinh thì thích tránh việc ác.

D. Đệ nhất nghĩa tất đàn : Cho khiến cho được lợi ích hiểu thấu vào chỗ chính lý của thật tướng. Như nhờ nghe pháp mà được đại triệt ngộ, chứng nhập diệu lý.) Trong bốn tất đàn thấu tóm tất cả mười hai bộ Kinh, tám vạn bốn ngàn pháp tạng, tất cả đều là thật. Cái thật trong Phật pháp là : Có thể lấy thế giới tất đàn nên thật, có thể lấy vị nhân, đối trị hay đệ nhất nghĩa tất đàn nên thật.

(Còn tiếp)

KHUẤT-SƯ THẢ CÁ TẶNG TUỔI THỌ

Khuất-Sư ở làng Nguyên-Thôn, gặp một ngư ông câu được một con cá chép màu đỏ. Con cá trông thấy Khuất-Sư bèn nhảy lên nhảy xuống, như muốn có ý cầu cứu.

Khuất Sư trong tâm động lòng thương xót bèn mua con cá và thả xuống sông. Nhìn cá bơi đi khỏi rồi bỏ đi.

Thời gian sau mộng thấy Long-Vương đến thỉnh về Long-Cung rồi nói với ông ta rằng : "Mạng của ông đáng lý đã hết rồi, nhưng vì ông cứu con rồng con, cho nên tuổi thọ của ông tăng thọ được mười hai năm nữa".

Lúc Khuất Sư cứu con cá chép là bốn mươi tám tuổi, về sau thọ đến sáu mươi tuổi, con cháu đầy nhà, không bệnh mà qua đời.

QUẢ BÁO CỨU CHIM SẺ

Vào thời đại nhà Hán. Dương Bảo bản tính nhân từ. Lúc mới lên 9 tuổi thời có một lần tại núi Hoa Âm, nhìn thấy một con chim sẻ vàng bị chim Cú Mèo đuổi bắt làm bị thương, rớt xuống đất, lại bị đàn kiến bu lại cắn bị thương ở mỏ, chim sẻ vàng đau khổ vô cùng. Dương Bảo động lòng thương xót, liền đem về nhà cứu chữa điều trị vết thương, cẩn mật nuôi dưỡng trong lồng tre. Đợi khi lông cánh mọc dài mới thả bay đi.

Đêm nằm mộng thấy đồng tử y vàng hướng về Dương Bảo lễ tạ ba lạy và nói : "Tôi là người của Tây Vương Mạo, lúc bay qua Phong Lai Tiên Sơn bị thọ thương. Nhờ ân đức cứu và nuôi dưỡng. Nay tôi trở về Nam Hải". Nói xong liền lấy vòng Bạch Ngọc tặng cho Dương Bảo và tiếp tục nói : "Chúc bạn và con cháu thuần khiết trong sạch vị đăng tam công, giống như chiếc vòng Ngọc này".

Về sau Dương Bảo và con cháu Dương Chấn, Dương Bình, Dương Tứ, Dương Bữu, bốn đời quả nhiên đều liệt vị Tam Công, yhanh phong lượng tiết quý hiển không thể so sánh được.

MƯỜI PHÁP GIỚI KHÔNG LÀ MỘT TÂM NIỆM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

*Nhược Nhân Dục Liễu Tri
Tam Thế Nhất Thiết Phật
Ứng Quán Pháp Giới Tính
Như Lai Dục Tâm Tạo.*

Tạm dịch :

*Nếu Ai Muốn Biết Rõ
Tất Cả Phật Ba Đời
Hãy Quán Tính Pháp Giới
Như Lai Do Tâm Tạo.*

*‘Nếu ai muốn biết rõ, tất cả Phật ba đời
Hãy quán tính pháp giới, Như Lai do
tâm tạo’.*

*"Nếu ai muốn biết rõ, tất cả người ba
đời ; hãy quán tính pháp giới, Như Lai do
tâm tạo". Bạn cười tôi đọc sai phải chăng ?*

*"Nếu ai muốn biết rõ". Nếu : Là giả
thiết. Ai : Tức là chỉ tất cả mọi người. Muốn
biết rõ: Muốn biết rõ cái gì? Muốn biết rõ
con người làm thế nào mà làm người.*

*"Tất cả người ba đời". Có người nói
:"Tôi nghe nói là "Tất cả Phật ba
đời", sao Sư phụ lại đọc là "Tất cả người ba
đời?".*

*Người tức là Phật ! Người, bạn có thể
gọi họ là Phật cũng được; Phật, bạn gọi
Ngài là người cũng được. Tại sao? Vì người
có thể thành Phật; Phật do người tu thành.
Cho nên nếu bạn nói là "Phật" thì chẳng có
ai hiểu. Gì gọi là "Phật" ? Chẳng ai thật sự
biết. Nếu bạn nói là "Người" thì ai ai cũng
đều biết là có "người". Vậy biết có "người"
thì tốt rồi, cũng dễ dàng nữa.*

*"Người" này là ai ? Tức là "Phật". Có
người nói vậy tôi có phải là Phật chăng ? Bạn
cũng là Phật; còn họ có phải là Phật chăng?
Họ cũng là Phật; Tôi có phải là Phật chăng?
Cũng là Phật, nhưng Phật chưa thành. Thành
rồi thì là ông Phật thiệt, bây giờ là ông Phật
giả. Phật giả cũng có thể làm Phật thiệt, Phật
thiệt lại có thể làm Phật giả. Cho nên tại sao
nói chữ "Nếu"? Chữ nếu này là đặt một giả
thiết, bạn không cần chấp vào, xem nó quá
nhận chân. Cho nên nói, giả thiết trường hợp
bạn, muốn minh bạch, muốn biết rõ "tất cả
Phật ba đời". Tất cả Phật ba đời đều do người
tu thành.*

*"Hãy quán tính pháp giới". Bạn hãy
nhìn xem tính pháp giới, pháp giới có tính gì ?
Nếu pháp giới có tính, vậy còn gọi là pháp
giới sao ? Tính pháp giới nói ở đây là tính của
chúng sinh ! Mỗi người có tính của mỗi người,
bạn có tính của bạn, tôi có tính của tôi. Nói về
tính này thì bạn chẳng biết. Tôi nói cho bạn
đễ hiểu, tức là sự nóng giận của bạn lớn hơn
tôi một chút, sự nóng giận của tôi sâu hơn bạn
một chút. Bạn nói có phải chăng ? Chẳng
giống nhau. Pháp giới chúng sinh mỗi loài có
tính của mỗi loài. Heo có tính heo, ngựa có
tính ngựa. Người nam có tính của người nam,
người nữ có tính của người nữ, mỗi người có
tính của họ. Có người thích ăn ngọt, đó là có
tính ngọt; có người thích ăn chua, đó là có
tính chua; có người thích ăn cay, đó là có tính
cay, có người thích ăn đắng, đó là có tính
đắng, bạn nói có phải chăng ?*

Nếu bạn nghiên cứu kỹ thì mỗi loài đều có tính của mỗi loài. Cây cũng có tính của cây, hoa cũng có tính của hoa, cỏ cũng có tính của cỏ, hết thấy đều có tính, cho nên nói "tính pháp giới". Chẳng phải nói về tính pháp giới kia, mà là nói tính pháp giới của chúng sinh. Bây giờ các bạn đã hiểu chăng ? Trước kia các bạn đều cho rằng là tính pháp giới, bây giờ mới biết là tính của chúng sinh. Bây giờ các bạn đã hiểu chăng ? Trước kia các bạn đều cho rằng là tính pháp giới, bây giờ mới biết là tính chúng sinh ở trong pháp giới đó, cho nên mới nói "hãy quán tính pháp giới".

"Nhu Lai do tâm tạo". Bản lai là nói : "Nếu ai muốn biết rõ, tất cả Phật ba đời, hãy quán tính pháp giới, tất cả do tâm tạo"; vì ở trước tôi nói : "Tất cả người ba đời", bây giờ câu cuối cùng tôi đổi thành "Nhu Lai do tâm tạo". Phật là do tâm của bạn tạo thành. Nếu tâm của bạn tu Phật pháp thì thành Phật đạo, nếu tâm của bạn muốn thành Bồ Tát thì phải hành Bồ Tát đạo, thì sẽ thành Bồ Tát, cho đến tâm muốn đọa địa ngục thì chạy về hướng địa ngục, tương lai sẽ đọa vào địa ngục.

NHỮNG LỜI PHÁP CỦA HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Tu Hành

- ✿ Tu đạo là cần phải "quay trở lại". Nghĩa là gì ? Tức là phải nhường cho người việc tốt lành, còn mình thì nhận phần hư xấu. Xả "tiểu ngã" để thành tựu "đại ngã".
- ✿ Đối với ma thì đừng khởi tâm thù nghịch. Hãy xem chúng như các bậc "thiện tri thức" trợ đạo cho mình.
- ✿ Người tu hành phải vì cắt đứt dòng sinh tử luân hồi, vì hoá độ chúng sinh, chứ không vì cầu cảm ứng mà tu đạo.
- ✿ Khi tu học Phật pháp, điều thiết yếu là phải chân thật. Nơi mỗi hành động, cử chỉ, lời nói đều phải chân thật.

- ✿ Sống trong tự viện chúng ta phải biết tiết kiệm mọi vật dụng. Có câu : "Giữ gìn vật của Chùa như bảo vệ tròng con mắt".
- ✿ Không thương và không ghét chính là nghĩa trung đạo.
- ✿ Chưa bao giờ có việc : "Ngày nay tu đạo thì ngày mai thành Phật. Mới cuốc một nhát đất đâu có thể đào giếng nước ngay được. Tu hành là đem khối sắc mài thành cây kim. Khi công phu đầy đủ thì tự nhiên sẽ thành tựu.
- ✿ Có câu : "Khi muốn làm người tốt thì nghiệp báo hiện, khi muốn thành Phật thì ma đến thử thách." Nếu không muốn trở thành người lành thì nghiệp báo không tìm đến. Càng quyết chí làm người lành (tu hành) bao nhiêu thì nghiệp báo càng tìm tới tấp bầy nhiều để đòi chúng ta thanh toán nợ nần cho rõ ràng.
- ✿ Phật và ma chỉ khác nhau nơi một tâm niệm : Phật thì có tâm từ bi, còn ma thì có tâm tranh hơn thua.
- ✿ Người thật sự biết cách tu hành thì nhất cử nhất động đều là tu cả.
- ✿ Tu đạo cần phải tập đại khờ. Càng đại khờ bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Đại khờ cho đến lúc buông xả muôn việc thì vọng tưởng sẽ không còn nữa.
- ✿ Người tu đạo cần phải nhẫn những gì mà người khác không thể nhẫn, nhường nhịn những gì mà người khác không thể nhường nhịn, ăn mặc những gì mà kẻ khác không thể ăn mặc. Nói chung phải thọ nhận những gì mà người khác không thể thọ nhận.
- ✿ Khi chúng ta tu đạo, việc quang trọng nhất là không tranh, nghĩa là không cùng với người khác tranh đua hơn thiệt, hay tranh về tốt xấu hoặc về việc đúng sai của kẻ khác.
- ✿ Tu hành là phải tu dưỡng đại khờ. Tu hành càng khờ thì càng tốt, khờ đến gì cũng chẳng biết, một chút vọng tưởng cũng chẳng có.
- ✿ Kẻ địch của sự tu đạo là ai ? Chẳng phải là ma vương, mà là tâm ích kỷ. Nếu dụng tâm ích

kỷ thì chẳng có việc gì thành công, cũng thuộc về hư vọng.

❖ *Nếu mỗi ngày thành tâm trì tụng Chú Đại Bi thì dù bệnh AIDS (ái tử bệnh) hoặc bệnh cancer (ung thư) cũng chẳng sợ, nhưng phải thành khẩn.*

PHÁP GIỚI CỦA PHẬT

*Bát Đại Bát Tiểu
Phi Khứ Phi Lai
Vi Trần Thế Giới
Giao Ánh Liên Đài.*

Tạm dịch :

*Không lớn không nhỏ
Chẳng đến chẳng đi
Thế giới như bụi
Đài sen chiếu nhau.*

**‘Không lớn không nhỏ, chẳng đến
chẳng đi**

Thế giới như bụi, đài sen chiếu nhau’.

Hôm nay vẫn nói về mười pháp giới. Thứ nhất là nói về pháp giới của Phật. Pháp giới của Phật tôi đã giảng qua một lần về chữ "Phật" ở tại thành phố Hồng Mộc (Redwood), tiểu bang Cali. Chữ Phật tiếng Anh gọi là "Buddha". Vì tôi rất ngu si và tai cũng điếc cho nên lần đầu tôi nghe chữ Buddha bằng tiếng Anh tôi tưởng là "Bu đa" bằng tiếng Tàu nghĩa là "Không lớn". "Không lớn" là gì? Tức là Phật. Có một vị giáo sư rất thích tôi giảng kiểu này, cho nên giảng xong rồi y đến trước mặt tôi chấp tay lại gọi "Bu đa". "Không lớn" này tức là chẳng có tâm cống cao. Phật thì chẳng có tâm cống cao, cũng chẳng có tâm ngã mạn.

Tiếng Anh cũng có lối cống cao gọi là I (tôi), Phật thì chẳng có I (tôi). "I" này tức là "Tôi". Tôi ! Tôi ! Tôi ! Gì cũng đều là tôi; trái, phải, trước, sau, trên, cũng phóng quang, không những sáu căn đều phóng quang động địa mà mỗi

dưới, bốn phương đều là tôi, thật là quá nhiều cái tôi. Vì quá nhiều cái tôi cho nên trở thành lớn. Vì Phật chẳng có ngã, cho nên không lớn. Vậy phải chẳng là nhỏ ? Cũng không nhỏ. Nếu là nhỏ thì Ngài chẳng phải là Phật, cho nên câu thứ nhất nói "không lớn không nhỏ".

"Chẳng đến chẳng đi". Ngài cũng chẳng đến cũng chẳng đi, tức là "đến mà chưa từng đến, đi mà chưa từng đi". Tại sao nói chẳng đến chẳng đi ? Vì pháp thân của Phật tận hư không, khắp pháp giới, vô tại vô bất tại, nếu bạn nói Ngài đi, vậy Ngài đi về đâu ? Nếu bạn nói Ngài đến, lại đi đến đâu ? Pháp thân của Ngài vốn khắp cùng, cho nên nói chẳng đến chẳng đi. Vậy có phải ở tại thế giới này chẳng? Chẳng phải. Chẳng phải chỉ riêng ở một thế giới này mà trong vô lượng vô biên hết thảy tất cả thế giới nhiều như hạt bụi trong pháp giới đều là pháp thân của Phật, cho nên nói "thế giới như bụi", nhiều giống như hạt bụi trong thế giới.

"Đài sen chiếu nhau": Chiếu nhau tức là quang minh của Phật ở pháp giới này chiếu đến Phật ở pháp giới kia. Quang minh của Phật ở pháp giới kia lại chiếu đến Phật ở pháp giới này. Đài sen chiếu nhau là Phật ngự ở trên tòa sen hở tương phóng quang động địa, tai cũng phóng quang, mắt cũng phóng quang, mũi cũng phóng quang, lưỡi cũng phóng quang, răng
lỗ chân lông cũng đều phóng quang động địa. Trong mỗi lỗ chân lông lại

hiện ra thế giới nhiều như số hạt bụi, có vô lượng vô biên chư Phật đều hiện ra ở trong mỗi lỗ chân lông. Mỗi một vị Phật đều phóng quang vô lượng vô biên như thế, cũng giống như ánh đèn, ánh sáng của bạn không xung đột ánh sáng của tôi, ánh sáng của tôi cũng chẳng xung đột ánh sáng của bạn, chẳng phải nói : "Ê ! Ánh sáng của bạn phóng ra quá nhiều, còn ánh sáng của tôi chẳng còn chỗ để phóng ra, như vậy không được". Ánh sáng với ánh sáng chẳng xung đột,

ánh sáng với ánh sáng hòa nhau, đó gọi là "hòa quang". Cho nên Phật giáo của chúng ta là hòa quang, ánh sáng với ánh sáng chẳng xung đột với nhau, chúng ta người với người cũng đừng xung đột với nhau, do đó gọi là đài sen chiếu nhau, nghĩa là ánh sáng của bạn chiếu tôi, ánh sáng của tôi chiếu bạn, ánh sáng này chiếu ánh sáng kia, lỗ này thông với lỗ kia giống như lưới La-tràng của Đại Phạm Thiên Vương, đó gọi là đài sen chiếu nhau. Đó là pháp giới của Phật.

NHÂN SINH YẾU NGHĨA

Năm Pháp Bình Đẳng

Hoà Thượng Tuyên Hoá Giảng tại Phật Giáo Giảng đường
San Francisco ngày 02/02/1969
Việt dịch : Thích Minh Định

Giảng về diệu lý Bát Nhã của bộ Kinh Kim Cang là pháp môn bình đẳng. Chúng ta phần đông đều không hiểu, cho nên đầu lại thêm đầu, tướng lại thủ tướng đem cái pháp bình đẳng biến thành không bình đẳng.

Thứ nhất là: "Sinh Phật bình đẳng". Sinh là chúng sinh, Phật là thập phương chư Phật. Lúc tôi mười hai tuổi thì xem Kinh Pháp Bảo Đàn, càng xem càng thấy thích, tôi mười lăm tuổi mới đi học, mười sáu tuổi thì giảng Kinh, tôi hiểu Kinh được mấy chữ thì giảng mấy chữ. Giảng Kinh gì ? Giảng Pháp Bảo Đàn Kinh, Kinh Kim Cang, Kinh A Di Đà ? Giảng cho ai nghe ? Cho một số người xuất gia nghe. Tôi là người cư sĩ giảng Kinh cho các Hòa Thượng nghe. Tại sao ? Vì các Hòa Thượng ấy không biết chữ, muốn học Phật pháp mà không có chỗ để học. Nhân vì tôi ở trong Chùa lại biết được mấy chữ, cho

nên hằng ngày tôi giảng Kinh cho các vị ấy nghe.

Khi giảng Kinh Pháp Bảo Đàn đến chỗ : "Pháp có đốn tiệm, mê ngộ có mau chậm". Tôi liền nghĩ, sao lại có đốn, có tiệm ? Đốn là gì ? Tiệm là gì ? Đốn tiệm giống nhau chăng ? Hoặ là khác nhau ? Sau đó tôi bèn biên một bức đối liễn.

Vế trước nói : "Đốn tiệm tuy thù, thành công tắc nhứt, hà phân nam bắc". Đốn tiệm tuy không giống nhau. Đốn là lập tức thành Phật. Tiệm là từ từ thành Phật. Đốn tiệm tuy khác nhưng đợi đến lúc thành công thì đốn mà chẳng phải đốn, tiệm mà chẳng phải tiệm. Đốn tiệm đều chẳng có, hà tất lại phân chia nam bắc ? Phương nam là Lục Tổ Huệ Năng giảng đốn Pháp, phía bắc là Thần Tú Đại Sư giảng tiệm Pháp. Đệ tử đôi bên hổ tương tranh chấp đều nói môn phái của mình mới là chánh tông.

Lại nói đốn từ đâu đến ? Tuy hiện tại đốn nhiên khai ngộ, đó là vì quá khứ đời đời kiếp kiếp, đều tu hành trong Phật pháp, thời gian lâu dài, đến thời kỳ tất sẽ khai ngộ. Còn tiệm ? Tiệm thì hiện tại bây giờ tu từ từ, đợi khi nào tu thành công thì cũng là đốn. Cho nên tôi mới nói không có đốn mà cũng không có tiệm.

"Hà phân nam bắc". Bạn hà tất phải phân nam, phân bắc, phân chia địa phương. Bạn nói nam, khi bạn đến cực nam lại biến thành bắc. Kinh Lăng Nghiêm nói về 'trung' (giữa). Gì gọi là trung (giữa) ? Trung ở đây là từ (hướng) đông nhìn tức thành tây. Từ (hướng) nam mà quán thì biến thành bắc. Cho nên không có nam bắc. Hà tất có tâm phân biệt nhiều như thế ? Về sau nói : "Thánh phàm tạm dị, căn tính khước đồng, mạc luận đông tây". Thánh tức là Phật. Phật gọi là bậc Thánh Nhân. Phàm tức là chúng sinh. Tuy nhiên tạm thời là khác nhau, nhưng căn tính lại giống nhau.

Căn bản tính đều là Phật tính; Phật cũng từ Phật tính mà thành. Chúng sinh cũng từ Phật tính mà thành. Bạn đừng luận nói tây phương A Di Đà Phật là Phật còn đông phương hết thấy chúng sinh là chúng sinh. Đừng có tâm phân biệt nhiều như thế, cho nên Vĩnh Gia Đại Sư nói : "Diệt vô nhân, diệt vô Phật, đại thiên sa giới hải trung âu, nhất thiết Thánh Hiền như điện phát". Nghĩa rằng : "Cũng chẳng có người, cũng chẳng có Phật, đại thiên sa giới như bọt trong biển, hết thấy Thánh Hiền như điện chớp". Nếu như bạn hiểu Phật Pháp, thì vật gì cũng đều không có. Bạn giác ngộ thì là Phật Pháp, bạn không giác ngộ thì chẳng hiểu Phật Pháp. Không giác ngộ cũng là Phật Pháp, chỉ vì bạn không hiểu mà thôi. Cho nên tôi mới nói "Sinh Phật bình đẳng". Chúng sinh từ đâu đến làm chúng sinh? Chúng sinh từ Phật

thị hiện ra làm chúng sinh. Làm thế nào để trở thành Phật ? Chúng sinh phản bản hoàn nguyên thì thành Phật. Đây cũng gọi là "Thánh phàm không hai", tức là "Sinh Phật bình đẳng".

Thứ hai : "Không, có bình đẳng".

Không là gì ? Pháp Bảo Đàn Kinh có nói: "Hỏi không thì dùng có để đáp". Không là gì ? Không tức là có. Bạn thể hội được "không, có không hai", "không, có bình đẳng", cũng không chấp thường, cũng không chấp đoạn. Bạn chấp đoạn thì rơi vào "không", chấp thường thì rơi vào "có". Cho nên "không, có không hai", "không, có bình đẳng", mới là trung đạo. Chân không ngại diệu hữu, diệu hữu không ngại chân không. Chân không cũng là diệu hữu, diệu hữu cũng là chân không. "Không" là thế nào ? "Không" là do "có" mà hiện "không". Thế nào gọi là "có" ? "Có" là do "không" mà hiện "có". Không có "không" mà cũng chẳng có "có". Không có "có" sao lại có cái "không". Cho nên "không, có không hai". Tức là "không, có bình đẳng".

Thứ ba : "Các pháp bình đẳng".

Kinh Kim Cang có nói: "Thị pháp bình đẳng, không có cao thấp, cho nên gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác". Đây là các pháp bình đẳng. Như Lai không chỗ đến cũng không chỗ đi, không đến không đi là các pháp bình đẳng.

Thứ tư : "Một nhiều bình đẳng".

Một cũng là nhiều, nhiều cũng là một. Một hạt vi trần tức là tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới cũng là một hạt vi trần, không có phân biệt. Vì chúng sinh ngu si, tâm phân biệt quá nhiều. Nói cái này nhiều, cái kia ít, mà "nhiều" là từ "ít" mà có, "ít" là từ "nhiều" mà có. Cho nên gọi "một nhiều bình đẳng" hoặc cũng gọi là hạt bụi thế giới. Thế giới cũng là hạt bụi, hạt bụi cũng là thế giới.

Thứ năm : "Chư kiến bình đẳng".

Nào là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, đều chẳng có. Cho nên gọi là chư kiến bình đẳng. Năm pháp bình đẳng này là tinh túy toàn bộ Kinh Kim Cang. Hơn nữa Kinh Kim Cang phải cần có chữ "tín". Bát Nhã là lý không, bạn nên tin. Nếu như bạn không tin lý không

thì giảng nhiều hay ít đều vô dụng. Phật Pháp như biển cả, chỉ có chữ tín mới vào được. Bạn có tín tâm thì mới có thể đi vào biển Phật Pháp được.

THIỀN

BẮT LẤY CON KHỈ

Hoà Thượng Tuyên Hoá Giảng tại Kim Sơn Tự
Việt dịch : Thích Minh Định

Ngồi thiền phải bắt lấy con khỉ. Tâm con người như con ngựa hoang, ý như con khỉ. Nếu không bắt kéo lại thì nó (tâm) luôn luôn chạy khắp nơi, tinh thần phân tán, sẽ làm hao phí nguồn gốc quý báu của tự tính. Nếu vô duyên vô cớ bị con khỉ lãng phí không trị được thì nay phải khiến cho con ngựa hoang (tâm) không thể không giữ quy cụ, khiến cho con khỉ (ý) lảo lảo thực thực, phải bắt giữ tâm viên ý mã lại. Bắt giữ như thế nào? Phải dùng "Vòng Kim Cô" trói lại và niệm Chú "Khẩn Cô" như trong Tây Du Ký, Đường Tăng đã niệm Chú Khẩn Cô cho Tôn Ngộ Không, khiến cho con khỉ mới lảo lảo thực.

Chú khẩn Cô của chúng ta là gì? Tức là niệm thoại đầu: "Niệm Phật là ai?" Nghĩ tưởng tìm "Ai"? thì con khỉ liền lảo lảo thực. Vì nó không biết là "ai", cho nên nó liền chuyên tâm nhất chí đi tìm, thì sẽ tâm bình khí hoà chú mục nghi thần đi tìm, như thế thì nó không chạy khắp nơi. Nếu bạn

bắt lấy con khỉ, khiến cho nó lảo lảo thực rồi thì công phu của bạn tiến bộ nhiều lắm.

Ngồi thiền cũng giống như người huấn luyện ngựa, huấn luyện khỉ, không phải dễ. Tuy nhiên không phải dễ, cũng cứ phải ngồi cố gắng khắc phục. Trong lúc này, bạn phải đưa ra một điều kiện, thật không phải dễ, rất phí công sức. Ngồi thiền cũng lại như thế, tất phải phí một phen công phu. Bạn phải đem "cuồng tâm dã tính, si tâm vọng tưởng" chế tại một chỗ, công phu càng ngày càng tăng thì phiền não càng ngày càng giảm.

Mục đích tham thiền là phải khai mở trí huệ. Có trí huệ rồi thì không thể điên đảo như lúc trước. Nếu bạn ngồi tại đây mà thân không động, tâm không động thì liền nhập định. Có định rồi thì tự nhiên sẽ khai mở trí huệ, hết thấy mọi vấn đề cũng nghênh nhận mà giải quyết.

Đạt không có chỗ nào bất đồng với chúng sinh. Chỉ vì có đại trí huệ. Đại trí huệ cũng là thần thông. Tinh thần thông đạt

hết thấy. Trí huệ thần thông là hai mà chẳng phải hai. Nhưng đây không phải là quý thông. Quý thông là dùng thức tâm của mình đo lường, tự cho là thông minh, thực ra chẳng phải thông minh. Trí huệ chân chánh thì không dùng sự suy nghĩ mà tự nghiên biết, nhậm vận tự tại. BẠN CÓ TRÍ HUỆ THÌ THÔNG ĐẠT HẾT THẤY. Nếu không có trí huệ thì mọi việc đều điên đảo, rõ ràng là điên đảo mà chính mình còn không biết. Nếu làm sai mà biết sai thì có thể cứu được. Nếu làm sai mà không biết sai thì khổ lắm.

Nếu chúng ta muốn "lìa khổ được vui" thì chúng ta phải có trí huệ. Có trí huệ rồi thì không còn khổ nữa. Nếu hiểu đạo lý này thì không thể sinh phiền não. Thật ra đạo lý này rất đơn giản, nhưng ngài thiên tất

phải đem thời gian ra. Cho nên có câu: "Ngồi lâu có thiền, ở lâu có duyên". Tham thiền tức là làm cho tâm thanh tịnh. Tĩnh lự là phải làm cho mọi tư lự lắng xuống, thu thập hết sạch mọi vọng tưởng suy nghĩ, cũng như Thần Tú Đại Sư còn nói: "Luôn luôn thường lau chùi, đừng để dính bụi bặm". Hiểu đạo lý này rồi thì lập chí tu thiền, phải đặc biệt bắt lấy con khí, niệm CHÚ KHẨN CÔ, niệm càng nhiều càng hữu hiệu.

Các vị phải nỗ lực, phải đem tâm nhẫn nại ra, chân đau lưng ê cũng phải nhẫn. Cho nên: "Không trải qua một phen lạnh thấu xương, sao được hoa mai thơm ngát mũi".

PHẬT TÍNH - NGUỒN GỐC CỦA TẤT CẢ CHÚNG SINH

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng ngày 13/09/82

Vào thuở xa xưa, lúc khai thiên lập địa, không có người, cũng chẳng có loài chúng sinh nào, cũng chẳng có thế giới hoặc không thế giới. Tóm lại cái gì cũng không có. Sau đó trong kiếp thành thì từ từ có chúng sinh. Chúng sinh cứu kính từ đâu mà có? Có người nói từ loài khí, vậy khí từ đâu mà có? Nếu ngày xưa khí có thể biến thành người, tại sao ngày nay không thể biến thành người? Quái thật! Đây đều là do một số người không biết, đưa ra những chuyện kỳ dị, lập riêng ra một học thuyết nói là người từ khí biến thành. Tại sao không nói là người do chuột biến thành? hoặc do con vật nào biến thành? Tại sao không nói chuột do người biến thành?

Tất cả động vật và thực vật. Loài có cánh bay, loài bơi dưới nước cá tôm cua .v.v. . Người và các loài động vật khác có khí huyết và cây cỏ tất cả loài thực vật. Tất cả những thứ này tổ tông là gì? là ai? Đó là Phật tánh. Cho nên trong trời đất hay "sinh sinh bất tức, hoá hoá vô cùng". Đều vì có Phật tánh. Hết thấy tất cả đều huỷ diệt, nhưng chỉ có Phật tánh trải qua từ ngàn xưa mà không diệt; trải qua vạn đời mà trường tồn. Cho nên do Phật tánh mà biến hoá ra mười pháp giới. Mười pháp giới này không lìa một tâm niệm. Một tâm niệm tức là Phật tánh, cũng là tên khác của Phật tánh. Cho nên người là do Phật tánh biến, còn súc sinh

là do người đạo lạc mà thành, trong mười pháp giới nói rất rõ ràng.

Người ngu si mới nói tổ tiên của loài người là khỉ, Hồi giáo nói là heo, Ấn độ giáo nói bò là thần, đây đều thuộc về biên kiến, chỉ biết một mà không biết toàn thể đại dụng. Cho nên khiến cho thế giới bị mê hoặc, còn biên chép ra sách vở nói đây là khoa học, đó là triết lý, phân biệt môn loại, sự thật thì chẳng có việc mà đi tìm việc làm, ăn no rồi không có việc làm lại đi mê hoặc người.

Vậy cứu kính thì người có như thế nào ? Thử xem gà có như thế nào ? Gà có trước hay trứng có trước ? Không có gà làm sao có trứng, không có trứng làm sao có gà ? Đây là vấn đề gà. Cho đến vấn đề con người thì người nam có trước hay là người nữ có trước ? Nếu nói người nam có trước mà người nam từ trong bụng của người nữ sinh ra, còn nếu nói người nữ có trước, nhưng người nữ cần có người nam mới có thai. Vì thời gian lâu quá rồi con người cũng quên đi sự việc con người cứu kính như thế nào ?

Vạn sự vạn vật, nguồn gốc đều từ Phật tánh tự có hoá không, tự không hoá có; sinh sinh bất tức, hoá hoá vô cùng, càng hoá càng nhiều. Ví như trong gạo sinh ra sâu, từ vô tình mà sinh ra hữu tình. Phật tính có thể tự không mà hoá có, hoá ra tất cả chúng sinh, loài người cũng đồng đạo lý này. Giả sử nói người do khỉ tiến hoá, đây là lý luận hoàn toàn không đúng. Hãy nhìn xem mặt mũi loài người của mỗi quốc gia chẳng ai giống ai, có người da đen, da vàng, trắng, đỏ; họ do đâu mà có ? Nói đi nói lại, tìm chẳng ra đầu mối. Nếu qui về Phật tính: Tự

không hoá có, tự có hoá không, hoá hoá vô cùng, sinh sinh bất tức, lý luận này có thể giảng giải thông suốt, nhưng rất ít người có trí huệ đạt đến cảnh giới này.

Người là từ không hoá có, tất cả chúng sinh cũng lại như thế. Còn việc tu đạo là cần tự có hoá không, phản bản hoàn nguyên, trở về nguồn gốc Phật tánh. Bạn nói như vậy có ích gì ? Vậy bạn làm người lại có ích gì? Trở về nguồn gốc Phật tánh là sớm thành Phật đạo. Phật tánh là trường tồn. Tuy tất cả chúng sinh chết đi, nhưng Phật tánh không diệt mất. Tại sao tôi phải nói điều này ? Vì ngày nay là ngày vía Địa Tạng Bồ Tát, nguyện lực của Ngài thúc giục tôi giảng về căn bản đạo lý chân thật làm người; tức là "Tự không hoá có, tự có hoá không". Nếu bạn không tin, thì tại sao trong gạo lại sinh ra sâu. Người trên thế gian này cũng giống như sâu không khác, chỉ bất quá con người nhiều tánh tri giác, linh tính, nhưng nếu so với Phật thì xa vời lắm, cũng như so sánh người và sâu cũng như thế.

Nếu bạn hiểu thì có thể tu hành. Tu hành phải quân bình như cái cân; bình bình tĩnh tĩnh. Trong tự tính một chút sóng cũng không có. Nếu bạn thật hiểu Phật pháp thì tôi có thể nói Phật pháp với bạn, nghiên cứu tu hành như thế nào. Nếu thật không hiểu mà lại bám chặt vào vấn đề danh lợi, buông xả không xong tài, sắc danh, thực, thụ, cái gì cũng buông xả không xong thì tôi làm sao có thể cùng bạn đàm luận Phật pháp và việc tu đạo ?

BÀI CA NIỆM PHẬT NIỆM PHÁP NIỆM TẶNG

Hiện tại chúng ta đang niệm Phật, đây tức là mỗi người chúng ta tạo thế giới Cực

Lạc cho chính mình, mỗi người trang nghiêm thế giới Cực Lạc của chính mình, mỗi người thành tựu thế giới Cực Lạc của chính mình. Thế giới Cực Lạc này chẳng cách xa đến Hoà Thượng TUYÊN HOÁ mười vạn ức cõi Phật, thế giới Cực Lạc này cũng thật là cách xa mười vạn ức cõi Phật. Tuy nhiên xa mười vạn ức cõi Phật nhưng cũng chẳng lìa khỏi một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Vì nó chẳng lìa khỏi một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, cho nên nói cũng chẳng cách xa mười vạn ức cõi Phật. Tức cũng là ở trong tâm của chúng ta. Thế giới Cực lạc này tức là bỏ đi tâm của bạn, tôi, chúng sinh, bạn đắc được bỏ đi tâm của bạn thì sẽ sinh về thế giới Cực Lạc; bạn chẳng mình bạch bỏ đi tâm của bạn thì chẳng sinh về thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà và chúng ta chúng sinh chẳng có phân biệt đó đây, cho nên tôi nói thế giới Cực Lạc này chẳng phải xa như thế, một niệm của

chúng ta hồi quang biết bỏ đi là Phật, bỏ đi là Phật tức là thế giới Cực Lạc. Cho nên bạn trừ khử tâm ô nhiễm đi rồi, tức là tạp niệm tư dục của bạn chẳng còn nữa, chẳng còn tâm đố kỵ, chẳng còn tâm chướng ngại, chẳng còn tâm ích kỷ, tâm có lợi cho mình. Bạn phải học hạnh Bồ Tát lợi người, giác ngộ tất cả chúng sinh, đây tức là thế giới Cực Lạc hiện tiền. Bạn chẳng có tạp niệm cũng chẳng có vọng tưởng thì bạn có đồng ý là thế giới Cực Lạc chăng ? Đây chẳng phải là thế giới Cực Lạc thì bạn nói là gì ? Cho nên đừng hướng bên ngoài truy cầu. Các vị thiện tri thức ! Các vị đều là người có đại trí đại huệ, đều thông minh hơn tôi, tương lai các vị thuyết pháp sẽ nói hay hơn tôi, hiện tại bất quá các vị chẳng hiểu tiếng Tàu, tôi giới thiệu đây là "lão sinh thường đàm", nói theo lối xưa, chẳng có gì tân kỳ, tương lai các vị biến hoá ra diều không thể tả.

Le Sutra De La Fleur Du Dharma

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français Bhiksuni Dam Nhu

Premier Chapitre : doit répondre à six nécessités
Introduction : La foi, l'audition, le

AINSI J'AI ENTENDU

Commentaire :

LE MERVEILLEUX SUTRA DU LOTUS DU DHARMA comporte vingt huit chapitres. Le premier chapitre raconte les causes et les conditions amenant à la parole du Sutra. Bien que le premier passage du texte de tous les Sutras est une introduction, c'est le seul Sutra qui consacre un chapitre entier à une introduction.

J'AI ENTENDU AINSI . . .
Toute Assemblée du Dharma

répond à la demande de la foi. J'AI ENTENDU répond à la réclamation de l'audition. Le Dharma qui est "ainsi" peut être cru ; le

Dharma qui n'est pas "ainsi" en peut être pas cru.

Qui est le "JE" désigné ici ? Il y a quatre types de "JE" ou du "moi". Avant tout, il y a le moi attaché à la

personne ordinaire. Ensuite il y a le moi divin des religions non Bouddhistes. Troisièmement il y a le faux moi que les Boddhisattvas adoptent pour accorder à la convention du monde et quatrièmement, il y a le vrai moi du Corps Dharma du Bouddha.

Ici, Ananda utilise le faux moi. Ayant atteint le fruit, Ananda n'a fondamentalement aucun "moi", mais il se soumet à la convention du monde et dit : "Ainsi J'ai Entendu", pour être intelligible aux gens ordinaires qui ont tous un moi.

Vous pourriez vous demander, "pourquoi le texte dit-il 'J'ai entendu' ? En réalité n'est ce pas l'oreille qui entendre ? Pourquoi ne dit-il pas c'est 'l'oreille entendait' ?"

L'oreille est juste une partie du corps. Le "Je" fait référence au corps entier. Par conséquent, Ananda dit : "J'ai entendu".

Quatre raisons pour "Ainsi j'ai entendu".

Ananda parlait les paroles "Ainsi j'ai entendu" pour quatre raisons :

1. Pour résoudre les doutes de l'assemblée.
2. Pour honorer les enseignements du Bouddha.
3. Pour finir les débats de l'assemblée.
4. Pour distinguer les Sutras Bouddhistes des

ouvrages des autres religions.

Quels doutes l'assemblée tenait-elle ? Lorsque Ananda compilait les Sutras et prit une place du Dharma, il manifestait les caractéristiques du Bouddha et ainsi faisait naître dans l'assemblée trois doutes : Avant tout, les Boddhisattvas, les Arhats et les Bhikshus pensèrent que peut-être le Bouddha Shakyamuni n'était pas entré finalement dans le Nirvana, n'était pas revenus pour faire une conférence sur les Sutras.

Les autres pensèrent, "ceci doit être un Bouddha d'un autre endroit qui est venu pour nous enseigner.

Les autres pensèrent encore, "Ananda est devenu un Bouddha ! Autrement comment pouvait-il manifester les trente deux signes et quatre vingt caractéristiques complémentaires d'un Bouddha ? Comment pouvait-il entourer de cette lumière propre d'or éblouissante, apparaître si splendide ?"

Mais lorsque Ananda prit un siège de Dharma et dit : "Ainsi j'ai entendu", les trois doutes furent tous résolus. Les Boddhisattvas, les Arhats et les Bhikshus savaient alors que Ananda disait : "Voici le Dharma, il est ainsi, c'est ainsi que j'ai entendu personnellement ce Dharma du Bouddha. Ce n'est pas ma propre invention".

La deuxième raison que les mots "Ainsi j'ai entendu" furent utilisée étaient pour honorer les enseignements du Bouddha. Quand le Bouddha

était sur le point d'entrer dans le Nirvana, il dit, Ananda : "Tous les Sutras doivent commencer par les mots "Ainsi j'ai entendu".

La troisième raison était de finir les débats de l'assemblée. Ananda était un des plus jeunes disciples du Bouddha. S'il n'avait pas expliqué que les Sutras qu'il parlait furent ceux du Bouddha et pas ceux de lui, il y aurait eu certainement des objections. "Vous dites que vous pouvez parler les Sutras ? Alors nous aussi !" Les gens eut dit. Mais quand Ananda dit que les Sutras n'étaient pas de lui mais étaient du Bouddha, toute assemblée, y compris les plus âgés, leurs pareils et les juniors n'avaient rien à dire. Ils étaient les Sutras du Bouddha. Ceci faisait cesser leurs objections et finissait tous les débats.

La quatrième raison était de distinguer les Sutras du Bouddha des ouvrages des autres religions. Les textes des autres religions commencent leurs œuvres par les mots "A" ou "O" qui signifient "non-existence" ou "existence", respectivement. Ils disent que tous les dix mille dharmas existent ou n'existent pas. Les Sutras Bouddhistes commencent par "Ainsi". Ils ne tombent ni dans l'extrême du vide ni dans l'extrême de l'existence. Ils exposent la Voie du Milieu.

Les quatre questions d'Ananda.

Un jour, le Bouddha Shakyamuni annonça : "Ce soir, à minuit, j'entre dans le Nirvana". Quand Ananda entendit ceci, il était si contraire qu'il pleura comme un bébé. "Bouddha ! Bouddha !" appela-t-il. "S'il vous plaît, n'entrez pas dans le Nirvana ! Ne nous abandonnez pas !" Il pleura jusqu'à ce que son cerveau devint trouble.

Juste alors un aveugle nommé Aniruddha passa. Bien que ses yeux étaient éteints, son œil céleste était ouvert. Parce qu'il était aveugle, il ne pouvait pas distinguer le nord, l'est, le sud ou l'ouest. Il n'était pas accablé de plusieurs pensées étrangères et son esprit était très claire. "Unique Vénérable" dit-il à Ananda, "pourquoi pleurez-vous ?"

Le Bouddha est sur le point d'entrer dans le Nirvana, "Ananda répondit. Comment puisse-je ne pas pleurer ?"

"Mais comment pouvez-vous faire votre travail si vous pleurez ?" dit Aniruddha. "Après que le Bouddha soit entré, nous aurons beaucoup à faire. Il y a du travail à faire. Il y a des questions à être posées".

"Quelles questions ?" demanda Ananda. "Le Bouddha part. Il va entrer dans le Nirvana. Qu'est ce qu'il pouvait y avoir de plus important que cela ?"

Aniruddha dit : "Il y a quatre choses extrêmement importants qui doivent être établies".

"Quelles sont-elles ?" demanda Ananda.

"Compiler les Sutras en est une", dit Aniruddha.

"Avec quels mots devons-nous commencer chaque Sutra ? "

"Juste", dit Ananda. "je n'y aurais jamais moi-même".

"Deuxièmement", continua Aniruddha, "Nous avons pris le Bouddha pour notre maître, mais après que le Bouddha soit entré dans le Nirvana, qui sera notre maître ? "

"Quel est-le troisièmement ?" dit Ananda.

"Maintenant, nous vivons avec le Bouddha. Après que le Bouddha doit entré dans le Nirvana, où allons-nous vivre ? "

"Cela est très important", dit Ananda. "Sans lieu pour vivre, comment pouvons-nous cultiver la voie ? Quelle est la quatrièmement question ? "

"Le Bouddha peut discipliner les Bhikshus mauvais Bhikshus", dit Aniruddha. "Mais après qu'il entre dans le Nirvana, comment allons-nous les maîtriser ? "

"Ce sont des questions très important, dit Ananda. Je vais demander sur-le-champ". Il essuya ses yeux, se marcha et courut chez le Bouddha. "Bouddha ? " Dit-il, "excusez-moi, mais puis-je vous poser quelques questions ? J'ai quatre questions que j'aimerais poser avant que vous n'entriez dans le Nirvana. Est-ce bien raisonnable ? "

"Bien sûr," dit le Bouddha.

"Seul Honoré du Monde, vous avez parlé beaucoup de Sutras. A l'avenir quand nous les compilons et les éditons, avec quels mots devons-nous les commencer ? Demande Ananda.

"Tous les Sutras parlés par les Bouddhas du passé, du présent et du futur commencent par les mots "Ainsi j'ai entendu", dit le Bouddha. Ces mots signifient : "Le Dharma qui est ainsi peut-être cru ; je l'ai personnellement entendu par le Bouddha".

Ananda continua, "vous êtes notre Maître, mais vous entrez dans le Nirvana, qui sera notre maître ? "

Le Bouddha dit : "Prenez le Pratimoksha (les règles de discipline de moines), les préceptes pour votre maître. Pour se concorder aux règlements du Buddha, les Bhikshus et les Bhikshunis doivent recevoir les préceptes complets. Si on ne compte pas sur les préceptes dans la pratique le Dharma s'éteindra. Si les préceptes sont comptés, la doctrine du Bouddha restera dans le monde. (Car toute personne qui pratique selon les préceptes, le Bouddhisme a). Si dix personnes cultivent selon les préceptes, alors le Bouddhisme dégagera dix parties de la lumière. Si cent, mille, dix milles personnes cultivent selon les préceptes et ne les violent pas, alors la lumière sans borne et illimitée détruira toute obscurité du mal dans le monde. Par conséquent dans la pratique, la tenue des préceptes est essentielle.

Ensuite Ananda dit : "Nous avons toujours vécu avec vous,

Bouddha après votre entrée dans le Nirvana, où vivons-nous ? "

Le Bouddha répondit : "Vous devez demeurer dans les quatre applications de la concentration : La concentration du corps, des sentiments des pensées et des dharmas".

"Dernièrement, Bouddha, " dit Ananda, "comment devons-nous traiter les mauvais Bhikshus ? Quelle devrait être notre méthode envers eux ? "

Le Bouddha dit : "Soyez simplement silencieux et ils s'en iront ". Lutte contre les mauvaises personnes avec la concentration. Si elles sont mauvaises, ne soyez pas mauvaises en retour. Les mauvais Bhikshus ne montrent aucune considération à personne. Ils mettent une grande insistance à être numéro un. Il n'y a pas de moyen pour leur rendre raison. Tout ce que vous pouvez faire est de refuser de leur parler. Ils seront honteux et peuvent même venir suivre les règles. La meilleure méthode est de ne pas discuter avec eux. Si vous les ignorez simplement, ils perdront rapidement l'intérêt. Ne parlez pas avec eux. Ne leur faites pas attention et ils s'emballeront très vite en s'en iront ". C'était la façon dont le Bouddha a répondu aux quatre questions d'Ananda.

Le mot "Ainsi" exprime la crédibilité du Dharma qui doit être entendu le Dharma

que vous pouviez croire est "Ainsi". Le Dharma que vous ne pouviez pas croire n'est pas "Ainsi".

"Ainsi" veut dire "il est ainsi". "Ainsi" représente le principe nommé qui est inéchangeable. "Il est ainsi" représente le phénomène qui change selon les conditions. Parce qu'il s'accorde aux conditions et est pourtant invariable et parce qu'il est invariable et pourtant s'accorde aux conditions, le Dharma est dit d'être "Ainsi".

Il s'accorde aux conditions, cependant ne change pas.

Il ne change pas et cependant s'accorde aux conditions.

Il est ainsi, ainsi impassible ;

Le Dharma, évident et constamment brillant.

Ainsi il est.

"Ainsi" veut dire aussi il est "cacheté d'approbation". Si vous faites les choses correctement, si vous faites les choses en accord avec le cœur du Bouddha, alors il est "Ainsi". Si vous êtes en contradiction avec le cœur du Bouddha, alors il n'est pas "Ainsi".

"J'ai entendu" est la parole d'Ananda, "le Dharma qui est ainsi est, c'est parce que j'ai entendu personnellement du Bouddha. Ce n'est pas ma propre invention ou ma propre création. Je l'ai entendu par le Bouddha".

LE MANTRA SHURANGAMA

*Explication par Vénérable Maître Hsuan Hoa
Traduction en Français : Bhikshuni Dam Nhu*

Introduction :

Le Mantra SHURANGAMA (Leng Yen) est le plus important de tous les Mantras .Il est la substance et la fonction entières et comprend toutes les doctrines de l'Enseignement du Bouddha. Ce Mantra se compose de cinq divisions :

La division du Vajra.

La Production de la division des Joyaux.

La division du Lotus.

La division du Bouddha.

La division du Karma.

Ces cinq divisions appartiennent aux cinq directions :

1. La division du Vajra est à l'est, avec le Bouddha Akshobhya comme Hôte.

2. La Production de la division des Joyaux se trouve dans le sud, avec le Bouddha de la Naissance Ornée comme hôte.

3. La division centrale est la division du Bouddha, avec le Bouddha Shakyamuni comme Hôte.

4. A l'ouest se trouve la division du Lotus, avec le Bouddha Amitabha comme hôte.

5. Dans le nord se trouve la division du Karma, avec le Bouddha de l'Accomplissement comme hôte.

S'il n'y a pas une seule personne dans ce monde, capable de réciter le Mantra Shurangama, alors les démons se manifesteront certainement. Mais, si une seule personne peut le lire et le réciter, les esprits maléfiques et les démons doivent rester dans leurs cachettes, parce qu'ils ont plus peur du Mantra Shurangama que

n'importe quoi d'autres ! La chose qu'ils veulent le plus détruire est le Mantra Shurangama. Ainsi, quand le Dharma s'éteindra, le Mantra Shurangama sera le premier à disparaître, avec le Sutra Shurangama. Alors, les lutins et les démons viendront au monde et auront un jour de grandes manœuvres, effectuant des actions infâmes ! A ce moment là, il n'y aura pas de ciel ni de terre; pas de spectres ni de Bouddhas...Ils n'auront absolument peur de rien. C'est pourquoi, j'encourage chaque disciple bouddhiste à apprendre le Mantra Shurangama jusqu'à ce qu'il puisse le réciter uniment. Et le maintenir chaque jour. De façon à protéger le Dharma et le sauvegarder pour un temps infini. Ne considérez pas ceci comme une affinité insignifiante ; il y a quelques dizaines de gens ici qui écoutent l'explication du Mantra ; mais ce sont justement ces dizaines de gens qui, en écoutant le Mantra, font que les démons restent dans leurs cachettes. Ils tremblent de peur et leurs cheveux se dressent lorsqu'ils entendent citer ce Mantra !

J'ai étudié la Doctrine du Bouddha pendant plusieurs années. Je n'ose pas dire que je comprends totalement le Mantra du Shurangama et le Mantra de la Grande Compassion, mais j'en ai tiré quelques enseignements. Vous ne pouvez pas dire que j'en connais beaucoup mais on ne peut pas dire que je n'y connais rien non plus.

Un de mes disciples dit une fois, "je renonce au Mantra du Shurangama. Quelque soit la façon dont je l'étudié, je n'arrive pas m'en souvenir". Ne regardez pas la mer et pousser un grand soupir. Ne considérez pas le Mantra comme si c'était une mer immense et supposez que vous serez jamais capable de

l'apprendre. Je vous apprendrai une méthode : N'essayez pas de l'apprendre en lisant tout à la fois. Faites-le phrase par phrase, ligne par ligne. Lorsque vous connaissez la première ligne par cœur, continuez avec la prochaine. Du moment que vous ne connaissiez pas cette première ligne clairement, n'allez pas à la prochaine. Par exemple, répétez, " Namo Sa Dan Two Su Chye Dwo Ye E La He Di San Myau San Pu Two Sye . . .", maintes et maintes fois jusqu'à ce que vous arriviez à le dire les yeux fermés. Ensuite, allez à la ligne suivante. Si vous voulez l'apprendre tout d'un bloc, vous ne serez jamais capable de l'assimiler ! N'essayez pas de l'apprendre tout à la fois. C'est comme essayer de manger une vache entière à la fois. Apprenez le Mantra petit à petit. Ne soyez pas comme celui qui contemple la mer et pousse un grand soupir, pensant, il y a trop d'eau. Comment pourrai-je tout boire ? Bien que le Mantra Shurangama soit très long, si vous vous concentrez, vous pouvez l'apprendre. Quiconque veut se faire religieux auprès de moi, doit être capable de le réciter ainsi que le Mantra de la Compassion. Autrement je ne les accepterai pas comme disciples ! Si vous pouvez mémoriser le Mantra Shurangama, je suis sûr que vous avez un cœur quelque sincère. En Chine, cela prend normalement six mois pour apprendre le Mantra. Pendant la session d'été, un des mes disciples sans manger, ni dormir a mis tout son attention sur l'étude du Mantra. C'était une preuve de sa sincérité. Il vida son estomac afin de pouvoir maintenir le Mantra (vraiment ? comme je plaisante). Vous n'avez pas besoin de cesser de manger pour apprendre le Mantra.

Ainsi, tous les Dharmas sont le merveilleux Dharma. J'ai analysé depuis plusieurs jours sur ce Merveilleux Dharma, et pourtant, mon explication ne peut pas être assimilée (pas à beaucoup près ainsi pareille) à celle du Grande Maître Chih-Che, qui a mis quatre-vingt dix jours pour

expliquer le seul mot "Merveilleux". L'état du merveilleux Dharma est au delà de la délibération et de la distinction. Plus vous vous distinguez, plus dure il est à apprendre. Plus vous délibérez, moins vous le comprendrez. Ne pensez pas : Pourquoi suis-je incapable d'apprendre le Mantra ?" Ne pensez à rien du tout ! Simplement récitez le. Récitez le comme étant votre devoir et responsable. Ne l'apprenez avec un esprit de discrimination et de délibération. La discrimination a lieu dans la sixième conscience. La délibération est faite exclusivement par la septième conscience. Dans le Sutra Shurangama nous lisons qu'Ananda avait ce genre problème. Pourquoi ? Parce qu'il a porté tout son attention sur l'étude et a négligé la pratique du Samadhi. Si vous voulez mémoriser le Mantra du Shurangama, vous devez vous débarrasser de la délibération et de la discrimination. N'utilisez pas votre l'esprit conscience pour étudier la Doctrine du Bouddha. Utilisez votre vrai cœur qui est juste le merveilleux Dharma.

Verset D'ouverture sur le Commentaire du Mantra Shurangama

"Le Roi fondamentalement durable
parmi les Samadhi.

Pratiquez et étudiez le avec l'esprit
droit
et chemin peut-être atteint.

Purifiez les Karmas du corps, de la
bouche, de l'esprit;

Nettoyez les pensées de la cupidité, de
la haine et de la stupidité.

De la sincérité vient une réponse; la
certification évidente est obtenue.

De la concentration, on accomplit, des
pouvoirs spirituels qui sont grands.

Doué de vertu, vous avez rencontré ses
expressions magique et merveilleuses.

En tout temps, n'oubliez jamais de
célébrer sa magnificence".

Commentaire :

Le verset d'ouverture sur le commentaire du Mantra Shurangama. Les caractères chinois qui signifient Shurangama sont Leng Yen; Leng veut dire " Le bord", Yen signifie "Orné". Mais à la base les deux caractères, Leng Yen, sont des transcriptions du Sanscrit, Shurangama. Shurangama veut dire "Fondamentalement ferme et solide dans tous les respects".

Le roi fondamentalement durable parmi les Samadhis. Ce verset de huit ligne expliquera la signification du commentaire sur le Mantra du Shurangama.

Pratiquez et étudiez le avec l'esprit droit. On devait pratiquer et étudier avec un esprit franc pour arriver à son but. Pour atteindre la voie. Un esprit franc est le champs de la voie. Si vous êtes détourné et utilisez un esprit tordu en pratiquant la Doctrine du Bouddha, vous ne serez pas capable d'obtenir l'intérêt (l'avantage) de ce Mantra.

Purifiez le Karma du corps, de la bouche et de l'esprit. Quand vous pratiquez ce Dharma, vous ne pouvez pas parler à tort. Vous ne pouvez pas toujours dire des choses qui ne sont pas vraies. Vous devez éviter le Karma corporel de la destruction des préceptes contre la tuerie, le vol et l'adultère. Avec votre bouche, vous ne devriez pas parler irresponsablement du mensonge, du commérage ou utiliser la parole nocive. Vos pensées devraient être dénuées de la cupidité, de la colère et de la stupidité. Ainsi, "Purifiez les Karmas du corps, de la bouche et de l'esprit". Avec les trois genres de Karma purifié on unifie et soutient. C'est le Dharani.

Nettoyez les pensées de la cupidité, de la haine et de la stupidité. Vous devez nettoyer complètement les pensées de l'avidité, les pensées de la colère et les pensées de la stupidité. Quand l'esprit est totalement propre, celles-ci sont toutes parties.

De la sincérité vient une réponse, la certification nette est obtenue. Si vous êtes

totalement concentré dans votre esprit et vos pensées n'errent pas. Si vous n'avez pas de pensées étrangères alors vous serez capable de réaliser les grands pouvoirs spirituels.

Dans le Mantra du Shurangama, il y a cinq chapitres principaux et dans ces chapitres, il y a plus de trente différents sous-chapitres de Dharma.

Les cinq Dharmas principaux sont :

1. Le Dharma de la soumission.
2. Le Dharma de l'accroche.
3. Le Dharma des catastrophes.
4. Le Dharma de l'augmentation du bénéfice.
5. Et le Dharma de l'accomplissement et du favorable.

Il y a beaucoup de différents genres de Dharma dans ce Mantra.

Doué de la vertu, vous avez rencontré ses expressions magiques et merveilleuses. Pour étudier ce genre de Dharma vous devez avoir la conduite vertueuse. Si votre conduite n'était pas vertueuse, vous ne l'auriez même rencontré. Et si vous l'aviez rencontré, vous ne l'auriez pas compris. C'est un langage efficace ; ce sont des expressions subtiles, merveilleuses et profondes.

De tout temps, n'oubliez jamais de glorifier sa magnificence. Vous ne devriez jamais oublier de pratiquer ce Dharma. Soyez sincère et concentrez-vous et n'oubliez jamais de célébrer la Doctrine du Bouddha demeurer constamment dans le monde et soit toujours protégé.

C'est mon explication très simple de la signification générale du Mantra du Shurangama. Si j'avais à en parler en détail, je n'aurais jamais fini.

C'est un Dharma qui est difficile à rencontrer pendant des centaines de milliers de Kalpas, alors ne manquez pas l'occasion ! Mes explications seront un commentaire très simple sur le Mantra du Shurangama. Si vous voulez le comprendre, vous devriez l'étudier en détail vous-même.

(à suivre)

LE SUTRA VAJRA

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA.

L'Enseignement du Bouddha Sakyamuni, pris comme un tout, divise en cinq périodes et huit méthodes. Le sutra du Vajra Prajna Paramita appartient à la quatrième, ou période du Prajna et parmi les quatre premières méthodes, c'est la troisième méthode la plus spécifique.

Le Grand Sutra du Prajna contient ce que le Bouddha disait à propos du Prajna, comprend plus de 600 volumes duquel le Sutra Vajra est juste le premier. Prajna est important, comme peut être vu par le fait que le Bouddha ayant parlé du Prajna depuis vingt ans entiers, déclarait que les Sutras du Prajna serait propagé à toute terre.

Le maître Tripitaka Hsüan Tsang, partiellement satisfait de cette prédiction, traduisait le Grand Sutra du Prajna du sanscrit en Chinois pendant la Dynastie Tang au Monastère de Ta Hsang Shan avec l'aide de plus qu'un millier de Bhiksus et au dessus de deux milles laïques hommes. Ta Hsang Shan n'était pas un petit endroit. De la chambre du supérieur à la porte d'entrée était une distance de plus de trois milles et le moins qu'est en charge d'ouvrir et de fermer la porte d'entrée allait d'habitude à cheval pour parcourir la distance en une durée raisonnable de temps. Etant si grand, le monastère recevait facilement trois à quatre mille personnes impliquées dans le travail de traduction.

Pendant l'année où le Grand Sutra du Prajna était traduit, les pêches avait fleuri six fois. Cette bonne occurrence témoignait l'importance du Sutra Prajna. C'est aussi connu partout que les esprits des fleurs et l'herbe et les esprits des arbres tous venaient

protéger le merveilleux rassemblement du Dharma.

L'ouverture de la conférence du Sutra Vajra Prajna Paramita marque le commencement d'un autre rassemblement du Prajna en Amérique les événements qui menaient à ce rassemblement commençait en 1968 quand un groupe d'étudiants passionnés de Seattle venait à la Salle de Conférence Bouddhistes à San Francisco pour participer à la première

Session officielle de sept jours de méditation qui a déjà tenu en Amérique de six heures du matin à 9 heures du soir, bien que les participants le trouvaient rigoureux, il était réellement très convenable. Les vraies sessions Dhyana commence à trois heures du matin jusqu'à minuit.

A cette époque, ces gens faisaient une bonne impression sur moi et il était clair qu'ils pouvaient travailler à l'intérieur la discipline de l'enseignement du Bouddha.

Pendant cette session ils demandaient l'explication du Sutra du Shurangama. Il est dit,

Dharma ne s'élève pas seul.

Comptant sur des condition il est né.

La voie n'est pas pratiquée en vain.

Rencontrant les conditions il y a une réponse.

Je recevais leur demande et pendant l'été 1968 le Sutra du Shurangama était donné en entier. Il était poursuivi par le Sutra du Merveilleux (Dharma de la fleur) Lotus.

Je suis venu en Amérique pour créer, inventer les maîtres supérieurs, les futurs Patriarches, les Bodhisattvas et les Bouddhas, après en entendant le Sutra du Shurangama, plusieurs Américains souhaitent quitter la vie de famille sous mes ordres. Pour élargir leur compréhension de l'enseignement du Bouddha et dans l'intérêt de tous les autres fruits de la voie qui les suivra, je donne des conférences du Sutra du Lotus.

Le jour d'anniversaire du Bodhisattva d'Avalokitesvara qui avait quitté la vie de famille, plusieurs personnes demandaient une explication du Sutra du Vajra j'y consentais et commençai à parler le Sutra (de plus) en ajoutant des conférences sur le Sutra du Lotus.

L'explication du Sutra du Vajra sera simplifiée en omettant la discussion habituelle des sept types des titres du Sutra et les cinq profonds moyens.

Allons ouvrir la porte et regardons la montagne.

L'oeuvre se divise en trois chapitres.

1 . L'explication générale du titre (chapitre un).

2 . Le traducteur (chapitre deux) ; et

3. L'explication détaillée du texte, (chapitre trois et trente quatre)

VAJRA est un mot sanscrit qui défie la traduction à cause de ses connotations nombreuses, mais essentiellement Vajra est une substance indestructible, souvent représentée par le diamant. Vajra est ici étendu métaphoriquement pour se référer aux principes de cette dissertation sur le Dharma. Vajra rapporte au coeur du Vajra, la nature Vajra et le Prajna du Vajra. Le Prajna du Vajra est la nature du Vajra qui à tour de rôle est le Prajna du Vajra.

Vajra est identique à la nature lui-même, la force de vie essentielle de tous les êtres vivants, parce que tous deux sont indestructibles et inflexibles. De plus le lieu

du coeur que tous les êtres éternellement ont en commun est la même nature du Vajra, parce qu'il ne peut être aussi détruit. Prajna, comme la forme de la sagesse la plus haute des êtres vivants peut atteindre, est le réel signe du Prajna, éternellement indestructible c'est par conséquent désigné sous le nom du Vajra du Prajna. Selon les explications traditionnelles des sept types des titres du Sutra, Vajra dans le titre se reporte métaphoriquement au Prajna; un principal Dharma Bouddhiste. Mais plus explicitement, il peut être dit que Prajna est Vajra, le coeur est Vajra. Pour discriminer au moyen d'une analogie seulement sert à tenir la netteté de cette splendide vérité. Bien que les dharmas puissent être utilisés comme des expressions métaphoriques d'un principe, comme est ici le cas en parlant d'un principe comme un Vajra indestructible, originairement et décisivement il y a seulement un dharma. De pareilles divisions d'un principe sont des expédients purs qui servent à accorder aux diverses compréhensions des êtres vivants. Nous avons divisé le sutra du Vajra Prajna Paramita il est uni le sutra Vajra. Il peut être aussi appelé le Sutra du Prajna. Il n'a pas besoin de sévère interprétation. Le Sutra du Vajra lui-même parle des dharmas non fixé. Si une personne se cramponne à la vue qu'un est un et deux est deux l'explication du principe devient sans vie.

Vajra est durable, lumineux et capable de couper, la substance du Vajra est durable, capable de détruire que rien d'autre ne le peut; et cependant il est lui-même indestructible. La substance du Vajra contrôle pleinement les influences détournées comprenant les démons célestes et aux moyens externes.

La lumière qui est le signe caractéristique du Vajra, a le pouvoir de briser toute obscurité, et encore protège lui-même de toute destruction, la lumière apparaît quand l'obscurité est détruite. En protégeant le Dharma parfait, Vajra déracine tout ce qui est divergent et pervers. Quand

les dharmas déviants sont autorisés à continuer dans le monde, alors l'obscurité se développe. Quand les dharmas déviants sont détruites, le propre Dharma parfait brille plus d'éclats pour demeurer aussi longtemps dans le monde.

Comme la lumière est le signe caractéristique du Vajra, coupant est ses fonctions. Vajra peut couper comme une lame tranchante d'un couteau coupant le métal, sculpte du jade, éminçant l'acier comme si éminçant à travers la vue, c'est le pouvoir du Vajra. Une telle finesse transperce toutes les obstructions et contrôle toutes les déviations. Rien ne peut le vaincre.

Le coeur qui est Vajra ne se reporte pas au coeur sans la poitrine. Ce coeur est en chair et a très peu utilisé quand il est comparé au coeur du Vajra.

Le coeur du Vajra n'est pas aussi le coeur de la fausse pensée, la sixième conscience de l'esprit, chacun a une conscience.

Les yeux ont la conscience de l'oeil

Les oreilles ont conscience de l'oreille

Le nez a conscience du nez

La langue a la conscience de la langue

Le corps a la conscience du corps

L'esprit a conscience de l'esprit.

Les gens du peuple, dont la conscience ne pénètre pas au delà de la sixième conscience de l'esprit, considèrent le coeur de chair comme le vrai coeur. Ceci est la première erreur. La deuxième erreur est qu'ils pensent que leur coeur de la fausse pensée est aussi leur vrai coeur, comme Ananda fit dans le sutra du Shurangama.

“Le Bouddha dit à Ananda, ceci n'est pas votre coeur. C'est la poussière (objet) devant vous, les signes faux du vide des pensées qui trompent votre vraie nature. A cause de ceci, du temps sans commencement jusqu'à votre vie présente, vous avez pris un voleur pour votre fils perdu votre source

d'origine et de cette façon subi la roue tournante du Samsara.

Ce passage du Sutra de Shurangama est très important. Il parle du sixième conscience de l'esprit qui a une qualité exceptionnelle pour préoccuper lui-même avec des pensées insignifiantes et sans importance. Ces fausses pensées qui sont produites, envoient la sixième conscience de l'esprit tout à coup à l'est, à l'ouest, au nord et au sud vers le haut; vers le bas. Il n'est pas nécessaire de s'asseoir dans une fusée pour aller à la lune. L'esprit juste fait naître la pensée, « Ah, la lune... » et immédiatement on est là. Une seule pensée fausse nous envoie tout droit en Inde, une seule pensée fausse et on est parti pour la Chine. On produit une pensée fausse et les arbres du Japon sont droit devant ses yeux. La même chose est vrai pour l'Allemagne, pour la France ou (n'importe où) partout où on a été ; une seule pensée fausse et on est là de nouveau.

Ananda pensa que le coeur de la pensée fausse était le vrai coeur. Le bouddha dit à Ananda, “Ceci n'est pas votre coeur. Qu'est-ce que c'est ? Il est juste le vide de la fausse apparence des objets devant vous ».

Ces apparences témoignent votre pensée fausse et trompent votre vraie nature. Des périodes cosmiques (du sans commun) illimitées jusqu'à maintenant vous avez toujours pris cela pour votre coeur. Faire cela est comme pris un voleur pour votre fils et il vous fait perdre la connaissance de votre source éternelle. Cette source est éternellement la nature précieuse indestructible, le coeur brillant et illuminé. Pour cette raison vous apparaissez et disparaissiez sans cesse dans six chemins de la roue tournante.”

Le troisième coeur est le véritable coeur qui est le réel signe du Prajna. Le vrai, le véritable coeur est si grand qu'il n'y a rien au delà de lui, et si petit qu'il n'y a rien dans lui. On ne trouvera rien de plus petit ou plus grand que la vraie vérité. Le véritable coeur

est le coeur Vajra, la réelle nature de chacun de nous.

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

INTRODUCTIONS

L'introduction du Vénérable Maître du Tripitaka Huan Hua pour la traduction en Anglais du Bouddha parle du Sutra d'Amitabha.

"Le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha" appartient à la catégorie des Sutras parlés sans demande formelle. Il décrit en détail les ornements splendides de la Terre de l'Ultime Béatitude de l'Ouest. Les êtres vivants des dix directions ont seulement besoin de réciter le nom du Bouddha Amitabha, en pratiquant seulement le Dharma des dix récitations pour être assuré de renaître dans cette Terre.

Lorsque l'Enseignement du Bouddha s'éteint dans le monde de Saha, ce Sutra sera le dernier à disparaître. Le premier à disparaître sera le Sutra du Shurangama, le Sutra le plus redouté par les démons célestes et les autres religions, tout ce qui aimerait voir tout exemplaire existant de ceci réduit en cendre. Le Soutra du Shurangama attrape les réflexions des fantômes Li Mei et Wang Liang qui ne peuvent pas cacher, le haïssent de vengeance. Les écolier sans les sens communs tombent avec les démons. Ceci est vraiment pitoyable.

Le Bouddha parle du Sutra Amitabha peut être comparé à un grand aimant et les

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu êtres vivants des dix directions sont comme la limaille de fer. Toutes les limailles, sans exception, sont attirées par l'aimant.

Maintenant, vers la fin de la traduction en anglais, j'ai ajouté ses mots comme une brève introduction.

LES QUINTUPLE SES PROFONDS

Un : En expliquant le nom.

Selon les ordres de l'école Tien T'ai, les Sutras sont organisés suivant les sens

profonds en cinq couches : En expliquant le nom, en décrivant la matière en élucidant le principe, en discutant la fonction et en déterminant le vrai enseignement. Les quintuple sens sont appelés "cinq couches" parce qu'ils se déploient couche après couche.

Le premier explique le nom. Seulement quand vous connaissez le nom du Sutra vous pouvez commencer à comprendre ses principes. Juste comme quand vous rencontrez une personne, d'abord vous apprenez son nom, alors c'est comme les Sutras, chaque Sutra a son propre nom particulier.

Les titres de tous les Sutras Bouddhiste peuvent être divisés en deux parties, le titre ordinaire et le titre spécial. Le titre spécial de ce Sutra est le Bouddha parle d'Amitaba et le mot Sutra est le titre ordinaire, comme tous les discours

prononcés par le Bouddha sont appelés les Sutras.

Bien que les cinq genres d'êtres peuvent parler les Sutras.

1. Les Bouddhas.
2. Les disciples du Bouddha.
3. Les Dieux.
4. Les immortels.

5. Les êtres par la transformation c'est à dire, les dieux ou les Bouddhas qui transforment en forme humaine.

Les disciples, les dieux, les immortels et les êtres par la transformation doivent d'abord recevoir la certification du Bouddha avant qu'ils parlent des Sutras ; sans la certification, ce qu'ils parlent n'est pas vraiment un Sutra. Ce Sutra avait parlé par le Bouddha, non pas par ceux dans les quatre autres catégories; Il vint de la bouche du Bouddha Sakya Muni.

Comme ses principes étaient si profonds et si merveilleux pour les Sravakas ou Bodhisattvas pour comprendre, personne n'a demandé la voie du Dharma de la Terre Pure. Néanmoins, il devait être révélé et alors le Bouddha a parlé spontanément ce très important Sutra, doublement important parce qu'il sera le dernier à disparaître à la fin de l'âge du Dharma.

Dans le futur, l'enseignement du Bouddha disparaîtra. Les rois démoniaques craignent plus le Mantra du Shurangama et ainsi le Sutra du Shurangama sera le premier à disparaître, sans le Sutra, personne ne sera capable de réciter le Mantra. Ensuite, un à un, les autres Sutras disparaîtront. Nous avons maintenant les mots noirs du texte sur le papier blanc, mais dans le futur, quand l'enseignement du Bouddha est au bord de l'extinction, les mots disparaîtront de la page, comme tous les autres Sutras disparaîtront. Le dernier à s'en aller sera le Sutra Amitabha. Il restera dans le monde une centaine d'années supplémentaires et accompagnera innombrables êtres vivants à travers la mer de souffrance l'autre bord celui de

Nirvana. Quand le Sutra Amitabha aura oublié, seulement la grande expression "Namo Amitabha Bouddha" demeurera parmi l'humanité et sauvera des innombrables êtres vivants. Ensuite, le mot "Namo" qui est Sanscrit et signifie "hommage à" sera perdu et seulement "le Bouddha Amitabha" restera pendant une autre centaine d'années en sauvant les êtres vivants. Après cela, l'enseignement disparaîtra totalement du monde. Parce que ce Sutra sera le dernier à disparaître, c'est extrêmement important.

LE TITRE SPECIAL : LE BOUDDHA PARLE D'AMITABHA

Qui est le Bouddha ? Le Bouddha est celui qui grandement illuminé. Sa grande illumination est en train de réveiller toutes les choses, sans une particule de confusion. Un véritable Bouddha a fini Karma et dépassa les bornes des émotions. Ils sont sans obstacles karmiques et dépourvu des réponses émotionnelles. D'autre part nous trouvons des êtres vivants qui s'attachent à des émotions et à l'amour mondain. Les hommes ordinaires avec de lourd Karma et des émotions embrouillées sont simplement des êtres vivants. L'illumination du Bouddha peut être exprimée en trois sortes :

- 1.L'illumination fondamentale, illumination de la source première.
- 2.Le début de l'illumination, les étapes initiales de l'illumination et
- 3.L'ultime illumination, l'illumination complète.

Vous pouvez aussi dire qu'il est :

1. Eveillé à soi même, qu'il.
2. Illumine les autres et qu'il est.
3. Complet dans illuminé et pratique.

L'illumination du soi même. Les hommes ordinaires sont ignorants. Ils se croient intelligents mais en fait ils sont tout à fait idiots. Ils jouent en pensant qu'ils gagneront. Qui aurait deviné qu'ils perdraient ? Pourquoi sont-ils si embrouillés ? C'est parce qu'ils font des choses qu'ils savent nettement sont fausses. Plus ils sont confus, plus ils tombent dans la confusion ; plus

profond ils tombent, plus ils deviennent confus.

Tout le monde pourrait devenir illuminé. Le Bouddha est parti de tous les êtres vivants et il est lui aussi un parmi eux. Mais comme il est illuminé et non pas confus, on dit qu'il est illuminé par lui-même et non pas comme les hommes ordinaires. Sravakas, les disciples du petit véhicule, sont indépendants ; ils sont illuminés eux-mêmes, mais ils n'illuminent pas les autres.

Les Bodhisattvas éveillent les autres, contrairement aux Sravakas qui pensent seulement d'eux même. Les Bodhisattvas décident de faire bénéficier à tous les êtres et de rien demander en retour. En se servant de leurs propres méthodes de l'illumination eux même, ils convertissent tous les êtres en leur faisant réaliser la doctrine de l'éclaircissement et non-confusion. Ceci est la pratique de la conduite du Bodhisattva.

Sravakas, "les auditeurs du son", prennent conscience de la voie pour entendre le son de la voix du Bouddha. Ils pratiquent les quatre Vérités Sacrées :

1. La souffrance.
2. L'origine.
3. L'extinction, et
4. La Voie

Ils pratiquent aussi les douze causes et conditions :

1. L'ignorance, qui conditionne . . .
2. L'action, l'action qui conditionne . . .
3. La conscience, la conscience qui conditionne . . .
4. Le nom et la forme, le nom et la forme conditionnent . . .
5. Les six organes du sens, les sens organes du sens qui conditionnent . . .
6. Le contact, le contact qui conditionne . . .
7. Le sentiment, le sentiment qui conditionne . . .

8. Le désir ardent, le désir ardent qui conditionne . . .

9. La cupidité, la cupidité qui conditionne . . .

10. Le devenir, le devenir qui conditionne . . .

11. La naissance et la naissance qui conditionne . . .

12. La vieillesse et la mort.

Tous les douze s'élèvent de l'ignorance et l'ignorance est purement un manque de compréhension. Sans l'ignorance, les douze causes et conditions cessent d'opérer. Mais si vous pataugez dans l'ignorance, vous êtes pris dans les causes restantes. Ceux du petit véhicule pratiquent le Dharma, mais les Bodhisattvas transcendent toutes les étapes successives, en pratiquant les six Perfections sont :

1. La donation. La donation transforme ceux qui sont pingres. Les gens cupides qui ne peuvent pas donner, devraient pratiquer la donation. S'ils n'apprennent pas donner, ils ne débarrasseront jamais de leur mesquinerie.

2. La moralité. Les préceptes sont des règles pour perfectionner la conduite et éliminer les offenses, les transgressions et les mauvaises actions. Gardez les préceptes.

3. La patience. La patience transforme ceux qui sont odieux. Si vous avez une humeur déraisonnable, soyez patient et supportez toutes les choses. Ne soyez pas un Asura, un combattant qui se met en colère toute la journée et ne parle pas correctement aux gens. Soyez patient.

4. La vigueur. La vigueur transforme ceux qui sont paresseux. Si vous êtes paresseux, apprenez d'être vigoureux.

5. La Méditation du Dhyana. La Méditation du Dhyana transforme ceux qui sont éparpillés et confus.

6. La Sagesse. La sagesse du Prajna transforme ceux qui sont stupides ; la lumière brillante de la sagesse dissipe l'obscurité de la stupidité.

Les Bodhisattvas pratiquent les six Perfections et les dix Mille Conduites.

Illuminé à soi-même, ils illuminent les autres et sont cependant (contrairement) opposé à ceux du petit véhicule.

(à suivre

)

LES CINQ PRINCIPES

Les gens qui aimaient réciter le nom du Bouddha assistent à la session de la récitation du nom du Bouddha. Et ceux qui aimaient méditer et étudier le Ch'an, assistent à la session du Ch'an. Puis, il y a des autres qui n'aiment pas réciter le nom du Bouddha ni pratiquer le Ch'an et alors ils mènent eux-mêmes leur propre "session de paresse" ou ils organisent une "session dormante". Les sessions de paresse et les sessions du sommeil sont des noms des romans, mais en réalité, il y a beaucoup de sagesse derrière ces noms. En fait, les gens qui aiment être paresseux sont empêchés de faire ainsi par leurs propres esprits. En dépit d'eux-mêmes, leurs cerveaux continuent à travailler . . ., leurs esprits produisent beaucoup de pensées fausses, lorsque vous pensez du faux, vous êtes surpris dans les engrenages tournants de votre esprit, qui

vous amène dans les chemins qui retournent sans cesse. Dès l'origine vous vouliez être

paresseux, mais en faisant ainsi, vous finissez-en taxant votre cerveau même plus. Vous perdez pas mal d'énergie en ayant des pensées aléatoires et à la fin vous êtes même plus fatigué et plus paresseux. Vous êtes léthargique et pensez que tout est dénué de sens. Ceux qui ont des sessions du sommeil, passent leur temps à rêver et dans leurs rêves, ils pourraient être riches ou ils pourraient devenir pauvres. Dans d'autres rêves, ils deviennent de grands magistrats, tandis que dans d'autres rêves ils deviennent des mendiants. Dans certains rêve, ils voient les tigres, dans d'autres, ils rêvent des serpents venimeux ; même dans leurs

rêves, ils ne sont pas tranquilles. Alors, bien que vous puissiez vouloir avoir une session dormante, vous ne pouvez pas la faire, elle ne marche pas. Puisque vous ne savez pas comment appliquer votre effort, quoique vous fassiez, cela ne s'arrange pas. Mais

pour ceux qui savent comment appliquer leur effort, quoiqu'ils fassent, cela tourne bien.

Faire la méditation du Ch'an est un moyen pour appliquer l'effort, et réciter le nom du Bouddha est aussi un moyen pour appliquer l'effort. Même quand les gens sont paresseux, ils font effort ; et quand ils sont endormis, ils font aussi effort. Ce sont des moyens dans lesquels on peut appliquer son effort. Même si vous vous endormez, si vous rêvez que vous êtes en train de vous prosterner et réciter les Sutras, c'est un moyen dans lequel vous pouvez toujours faire effort. Et si vous êtes paresseux pour étudier les Sutras ou lire les Sutras au lieu d'assister aux sessions intensives, c'est une autre façon d'appliquer l'effort.

Ainsi, à la Cité des Dix Mille Bouddhas, vous pouvez appliquer votre effort en étudiant de Ch'an ou étudiant les Sutras, étudiant le Vinaya, pratiquant l'école secrète ou pratiquant la Terre Pure. Tout est très naturel. Vous ne vous sentez pas embarrasser de cela. Même si vous dormez ou êtes paresseux, alors vous ne vous donnez pas de la peine de voler les choses, et de cette manière vous maintiendriez les préceptes. Et pendant que vous êtes endormis, vous ne serez pas capable de tuer les gens, alors cela est aussi les préceptes. Ainsi quand nous récitons le nom du Bouddha ou faites la méditation du Ch'an ou

étudiez les préceptes ou étudiez l'école Secrète ou étudiez les enseignements, ce sont tous des moyens pour maintenir les préceptes. Vous gardez les préceptes contre le vol, tuer, la luxure, le mensonge et la consommation de boissons alcoolisées. C'est ce qui est connu en maintenant les cinq préceptes.

Superficiellement, il ne peut paraître que vous maintenez les préceptes, mais vous gardez réellement sans l'apparence de les maintenant. Sans l'appeler "maintenant les préceptes", vous gardez toujours les préceptes. Ainsi, à la Cité des Dix Mille Bouddhas, vous pouvez utiliser tout effort que vous voulez. Le seul critère est que lorsque vous utilisez l'effort, vous devriez être capables de le reprendre et de le supprimer. Cela est que vous devriez vous impliquer dans quelle porte Dharma que vous étudiez et vous devriez le faire bien dans tout ce qu'il est, que vous êtes censé faire. C'est la bonne voie. Ceux qui pratiquent le Ch'an devraient pratiquer très attentivement et ceux qui récitent le nom du Bouddha devraient être appliqués et attentifs et ceux qui étudient et récitent les Sutras devraient faire avec vigueur et respect. Ceux qui étudient les préceptes devraient faire alors avec un esprit sincère et honnête (franc). Et ceux qui pratiquent l'école secrète devraient être assidus dans leur pratique.

Dévisageons ceux qui étudient l'école secrète. Nous devons (étudier) examiner pourquoi les gens qui étudient l'école secrète peuvent finir par être des souris. Lorsqu'ils comprennent les principes (derrière cela) cachés, ils peuvent ouvrir un petit peu d'éclaircissement. Quand on est illuminé, on peut avoir une petite illumination ou une grande illumination. Dans ce cas, avec juste un petit peu d'illumination, ils peuvent venir pour comprendre quelque vrai principe.

A la Cité des Dix Mille Bouddhas, nous étudions les cinq principes qui sont juste un autre nom pour les cinq préceptes.

Le premier c'est qu'il n'y a pas de lutte ici et alors il n'y a pas question de tuer. Pourquoi sont-ce les gens tuent-ils ? C'est parce qu'ils se luttent. "Vous mourrez et je vis", la raison pour laquelle les gens tuent beaucoup de gens, c'est parce que leur esprit de lutte est devenu fou furieux. Avoir aucune lutte est de ne pas se tuer.

Le deuxième principe est n'avoir aucune cupidité, qui signifie pas de vol. Pourquoi est ce que les gens volent-ils les choses ? C'est à cause de la cupidité. S'il n'y a pas de cupidité que voudrait-on voler ? Le troisième où il n'y a pas de recherche, il n'y a pas de désir. L'esprit du désir est l'esprit qui recherche. Les femmes recherchent des petits amis et les hommes recherchent des petites amies. Ils se poursuivent de près. Et non seulement ils recherchent l'un l'autre, mais ils partent à la poursuite de toutes sortes d'objets matériels aussi bien. Sans aucune recherche, quel désir y aurait-il ? Qu'est ce qu'un bel homme vous serait-il être utile ? Et une belle femme est juste un sac de peau dégouissant (avec la chair) rempli de la chair. Qu'est ce qui est si brûlant à cela ? Si vous ne cherchez pas les choses, vous ne brisez pas les préceptes contre la luxure.

Le quatrième principe est d'avoir aucune égoïsme et il se rapporte au quatrième précepte, le mensonge. Pourquoi les gens mentent-ils ? Parce que leurs esprits égoïstes deviennent fous. Ils ont peur de perdre tous les bénéfices qui pourraient venir sur leurs chemins et alors ils trompent les gens et mentent. Ils pensent que s'ils mentent, ils pourront être capables de d'empêcher les gens de reconnaître ce qu'ils sont capables et de ce fait ne perdra pas leurs bénéfices.

Finalement, l'égoïsme mène à la recherche du profit personnel. Ne cherchant pas du profit personnel s'accorde avec le précepte contre la consommation des boissons alcoolisées. Pourquoi les gens consomment-ils des boissons alcoolisées ? C'est parce que leur égoïsme est si extrême, ils perdent la notion du bien et du mal dans

leur (poursuite) recherche du sybaritisme. Une fois adonnées au jeûne mais une fausse ivresse que les boissons alcoolisées y provoquent, ils se sentent comme s'ils étaient nés dans la terre pure de l'Ouest et devenant immortels. Par exemple, lorsqu'ils sont ivres, leur convoitise s'augmente inévitablement et ayant perdu leur sens de propriété, ils font tout ce qu'ils veulent. Les boissons alcoolisées telles que l'alcoolé, le vin qui aide leur pratique de convoitise et alors les gens y boivent et même fument plus une tentative de prendre du plaisir sexuel. Ceci est incité par le désir pour le profit personnel.

Les gens qui consomment les boissons alcoolisées pourraient soutenir qu'ils le font juste pour aider leur corps, mais au fond d'intérieur, ils savent qu'il est animé par le désir pour le profit personnel. Ils consomment du vin avec l'excuse qu'ils veulent augmenter leur circulation, mais lorsqu'ils sont ivres et ils oublient tout. C'est comme . . . Cependant, ne pas prendre les boissons alcoolisées est la même que ne pas avoir le profit personnel.

Alors, ces cinq principes sont juste un autre nom pour les cinq préceptes. Pourquoi ne les appelle-je pas simplement les cinq préceptes ? C'est parce que les gens sont habitués d'entendre les cinq préceptes, que quand vous parlez à propose de ne pas tuer, ne pas voler, ne pas commettre des rapports sexuels, ne pas avoir de mensonge et ne pas consommer des boissons alcoolisées. Leur réponse est "je sais déjà cela ; pourquoi me racontez-vous ? Alors maintenant, on les change seulement de noms : Pas de lutte, pas de cupidité, pas de recherche personnelle, pas d'égoïsme, pas de bénéfice personnel. Mais même si les gens entendent de ceux-ci et pensent qu'ils les comprennent, il y a très peu qui peuvent réellement les mettre en pratique. Maintenant je veux répéter ce que j'ai seulement dit :

1. Ne pas tuer est simplement la non lutte.

1. Ne pas voler est simplement la non-cupidité.

2. Ne pas commettre de l'adultère est simplement les non recherche personnel.

4. Ne pas avoir de mensonge est simplement n'étant pas égoïste.

3. Ne pas consommer les boissons alcoolisées est juste ne pas chercher du profit personnel.

Maintenant, si vous pensez que ce que j'ai dit est inexact ou vous avez une meilleure idée, vous pouvez en parler plus fort. Ces gens qui ont eu participé au Ch'an peuvent parler de leurs réveils et ceux qui ont été fait la session de récitation peuvent parler des concentrations qu'ils sont entrés. Quelqu'un pense, "j'avais une condition. Quelle sorte de condition ? Lorsque je méditais mes jambes me faisaient vraiment très mal ! Je ne pouvais pas y supporter. Et quoi que je leur dise, elles ne m'écouteraient pas. Elles me disent de ne pas faire la méditation". Ne soyez pas tourné par cette condition. La douleur est une chose tout à fait normale. Plus de (peine) douleur. Vous devriez savoir que vous ne mourez de douleur, mais vous devriez endurer de la douleur comme si prêt à mourir de douleur. Si vous avez cette sorte de détermination, la douleur sera battue et disparue. Quelqu'un d'autre dit : "J'avais une situation. Ma situation n'est pas la douleur. Cependant, lorsque je m'assois, je m'endors. Je m'endors et puis-je cogne ma tête contre le mur et avoir une grosse bosse sur ma tête. C'est une sorte de situation que j'ai ". Cette sorte de situation est vraiment bonne. Cela signifie que vous avez vraiment une tête dure ! Le mur n'est pas à votre tête, alors quand vous cognez votre tête contre le mur, cela fit une grosse bosse sur elle. Mais vous ne devriez pas faire aucune attention sur elle, simplement continuez à méditer pour développer votre concentration.

Une autre personne pense, "je ne peux pas me débarrasser de la nourriture hors de mon esprit. Je suis là et pense, est-ce que c'est déjà l'heure pour le déjeuner ? Ou " Oh ! je vais aller dans la cuisine et vérifier s'il y a

quelque chose de bon pour manger, parce que je ne sais pas si les cuisiniers ont préparé quelque chose de bon ou pas".

Question :

Pendant la méditation, si l'on entend le son de la récitation du nom du Bouddha, que devrait-on faire ? Lorsque je médite, dans mon esprit je récite le nom du Bouddha et je peux entendre beaucoup d'autres gens qui récitent le nom du Bouddha en même temps et je ne sais pas si je dois le suivre ou le rejeter. La terre pure et le Ch'an peuvent-ils être combinés ensemble dans ce cas ?

Réponse :

Quand vous êtes dans une session de récitation, il devrait être ce cas là, la récitation interne (de l'intérieur) et la récitation externe sont la même, alors que tous les sons externes se confondent et deviennent la récitation du nom du Bouddha. Mais si vous êtes dans le Ch'an, vous ne devriez pas écouter les sons de la récitation du nom du Bouddha. Lorsque vous êtes dans le Ch'an, vous devriez être concentré dans le Ch'an. Ce sont les deux portes du Dharma séparées. Quand vous méditez dans le Ch'an et vous entendez le son de la récitation du nom du Bouddha, si vous poursuivez ce son et attachez à lui, c'est facile d'aller sur le mauvais chemin. C'est facile d'attraper un démon. Quand vous êtes censés de récitation le nom du Bouddha et vous entendez les autres voix qui récitent le nom, ce n'est pas le cas que vous allez capter un démon, parce que quand vous récitez réellement le nom du Bouddha,

*"Le vent souffle et l'eau coule ;
Tout récite le nom du Bouddha".*

L'eau récite le nom du Bouddha et le vent récite le nom du Bouddha aussi. La cloche résonne le nom du Bouddha ; tout des quatre directions, récite le nom du Bouddha. Mais si vous méditez dans le Ch'an et vous entendez la récitation du Bouddha, vous ne devriez pas être tourné

par elle. La Terre Pure et le Ch'an sont deux méthodes de pratiques différentes.

Question : (Lorsque) En méditant dans le Ch'an, lorsque j'entends les voix qui récitent le nom du Bouddha, je le suis et l'utilise comme une façon d'arrêter mes fausses pensées.

Réponse : Si vous méditez et vous entendez la récitation du nom du Bouddha, c'est bien de l'utiliser à cette façon, mais vous ne devriez le méditer. Quand vous méditez, vous devriez méditer "Qui est attentif au Bouddha ?" Vous recherchez le "Qui", celui qui est entraîné de se souvenir le nom de Bouddha. Mais si vous récitez le nom du Bouddha et vous entendez les autres voix qui récitent, mais vous restez sans attacher à cette situation, alors il n'y a pas d'obstruction attachée.